

## TỜ TRÌNH

### VỀ VIỆC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT DANH MỤC DỰ ÁN VÀ SỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện chương trình công tác năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2023. Việc phân bổ vốn cơ bản đã bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhiều vướng mắc, khó khăn vẫn chưa thể giải quyết triệt để, dứt điểm, chưa thể đẩy nhanh, đẩy mạnh, như: Dự án Cao tốc, chiếm tỷ trọng vốn lớn trong tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023, đến tháng 9/2023 mới phê duyệt đầu tư dự án nên giải ngân thấp; Các vướng mắc khi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Công tác giải phóng mặt bằng chậm, trong đó: vướng mắc về đền bù giá đất, bãi đổ thải, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, thanh lý tài sản...; chưa đánh giá đầy đủ các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, chưa quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện. Ngoài ra, diễn biến của tình trạng khan hiếm vật liệu gây khó khăn cho các nhà thầu trong việc nhập vật liệu để thực hiện dự án; chi phí vận chuyển, mua bán vật liệu tăng cao làm ảnh hưởng đến công tác lập dự toán và thi công xây dựng, nhất là các công trình thực hiện hợp đồng trọn gói, đơn giá cố định, nhiều doanh nghiệp tạm giãn tiến độ thi công chờ thị trường vật liệu bình ổn, giảm giá.

Từ những khó khăn, vướng mắc trên ảnh hưởng đến việc thực hiện và giải ngân của một số chương trình, dự án, không thể giải ngân hết số kế hoạch vốn năm 2023 được giao. Tuy nhiên có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024. Theo Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công, quy định: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa

*phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau... ”*

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích xây dựng Nghị quyết**

Nghị quyết được xây dựng nhằm cho phép danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, đảm bảo việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Nhà nước.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan, phù hợp với mức vốn đầu tư công được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng; số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng (lần 1); phù hợp với tình hình và điều kiện, nhu cầu thực tế của địa phương.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương.

Phương án dự kiến danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương đã được xin ý kiến đóng góp và chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh và các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh; ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các sở; ban; ngành; UBND các huyện, thành phố.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục dự thảo Nghị quyết bao gồm 03 Điều, cụ thể:**

Điều 1. Phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung sau:

Tổng số dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương là 210 dự án, với tổng số vốn 1.086.569,728169 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh bố trí: 112 dự án, với tổng số vốn 1.024.530,734227 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 1 kèm theo).

- Nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện bố trí: 90 dự án, với tổng số vốn 51.654,357215 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 2 kèm theo).

- Nguồn ngân sách địa phương bố trí cho 08 dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà Nước được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 18 (chuyên đề) thông qua ngày tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua

## 2. Nội dung cơ bản

Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung sau: Tổng số số dự án năm 2023 đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 210 dự án, với tổng số vốn là 1.086.569,728169 triệu đồng. Cụ thể:

(1). Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh bố trí

Có 112 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2024 với tổng số vốn là 1.024.530,734227 triệu đồng, trong đó: dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), với số vốn là 782.302,372000 triệu đồng.

(2). Đối với nguồn ngân sách địa phương do cấp huyện bố trí.

Có 90 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2023 với tổng số vốn là: 51.654,357215 triệu đồng,

(3). Đối với các dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước

Có 8 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2024 với tổng số vốn là: 10.384,636727 triệu đồng (vấn bản thực hiện theo quy định về Bảo vệ bí mật của Nhà nước).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Hồ sơ gửi kèm theo tờ trình này:

(1) Dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương;

(2) Biểu danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương;

(3) Báo cáo đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương;

(4) Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 476/BTH-SKHĐT ngày 01/3/2024)./. *13*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VP: CVP, các PCVP, CV TH;
- Lưu VT, TH (Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Hoàng Xuân Ánh*

Hoàng Xuân Ánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH CAO BẰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 18 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Cao Bằng (lần 1);

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung sau:

Tổng số dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương là 210 dự án, với tổng số vốn 1.086.569,728169 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh bố trí: 112 dự án, với tổng số vốn 1.024.530,734227 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 1 kèm theo*).

- Nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp huyện bố trí: 90 dự án, với tổng số vốn 51.654,357215 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 2 kèm theo*).

- Nguồn ngân sách địa phương bố trí cho 08 dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà Nước được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, với tổng số vốn là: 51.654,357215 triệu đồng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 18 (*chuyên đề*) thông qua ngày... tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Triệu Đình Lê**

Biểu số 1

**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO CẤP TỈNH BỔ TRÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP						
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>TỔNG SỐ</b>									
(A)	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức				30.379.673,857000	3.124.478,576000	1.071.794,197000	1.025.181,497659	1.024.530,734227
A	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				29.276.326,956000	2.464.872,234000	823.860,463000	803.088,719567	802.523,128135
I	Quốc phòng				14.896.512,732000	2.148.554,157000	586.169,253000	568.941,838967	568.376,247535
I	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Khám Thành, huyện Trung Khánh	Bộ CHQS Cao Bằng	7004686	Số: 1888/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2.000,000000	1.000,000000	1.761,752000	14,481000	8,100000
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Kéo Yên (cũ) làm nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng	Bộ CHQS Cao Bằng	7004686	Số: 1888/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.000,000000	1.000,000000	881,858000	8,179000	4,050000
II	A.S. nhà và trật tự, an toàn xã hội				393.000,000000	150.000,000000	10.000,000000	6.691,059289	6.691,059289
I	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng	Công an tỉnh Cao Bằng	7004692	8402/QĐ-BCA-H01 18/10/2021	393.000,000000	150.000,000000	10.000,000000	6.691,059289	6.691,059289
III	Khoa học, công nghệ				3.498,999000	3.498,999000	398,740000	218,967632	6,233000
I	Xây dựng hạ tầng triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cao Bằng	Sở Khoa học và Công nghệ	7903077	2637/QĐ/UBND, 24/12/2020	3.498,999000	3.498,999000	398,740000	218,967632	6,233000
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tin				10.000,000000	10.000,000000	500,000000	500,000000	188,500000
I	Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng	Đài PT-TH Cao Bằng	8069471	2178/QĐ-UBND, 18/11/2021	10.000,000000	10.000,000000	500,000000	500,000000	188,500000
V	Bảo vệ môi trường				24.999,600000	24.999,600000	10.799,600000	4.718,842000	4.718,842000
V.I	Môi trường				24.999,600000	24.999,600000	10.799,600000	4.718,842000	4.718,842000
I	Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trung Khánh, huyện Trung Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trung Khánh	8.001.192	2214/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021	10.000,000000	10.000,000000	9.700,000000	3.619,242000	3.619,242000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch giải ngân 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Xử lý rác thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	7984439	2905/UBND huyện ngày 30/6/2022	14.999,600000	14.999,600000	1.099,600000	1.099,600000	1.099,600000
VI	Các hoạt động kinh tế				14.431.180,149000	1.936.300,254000	552.464,041000	552.164,734346	552.164,734346
VI.1	Giao thông				14.331.618,000000	1.840.754,000000	551.044,041000	550.805,568000	550.805,568000
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đông Dăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	7868093	1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	14.331.618,000000	1.840.754,000000	551.044,041000	550.805,568000	550.805,568000
VI.2	Quy hoạch				9.562,149000	5.546,254000	420,000000	359,166346	359,166346
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066692	758/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023; 2067/QĐ-UBND, ngày 10/11/2023	2.989,611000	1.753,716000	140,000000	140,000000	140,000000
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	8.044.784	301/QĐ-UBND, ngày 15/3/2023; 997/QĐ-UBND, ngày 25/4/2023	3.422,813000	2.032,813000	140,000000	127,405346	127,405346
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	UBND huyện Quảng Hòa	8035793	840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023	3.149,725000	1.759,725000	140,000000	91,761000	91,761000
VI.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế				90.000,000000	90.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000
1	Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh	Ban Quản lý Khu kinh tế	7966154	07/NQ-UBND ngày 25/5/2022	90.000,000000	90.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				20.500,000000	17.500,000000	9.056,000000	4.510,849400	4.475,873600



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMBĐT			
				Trong đó: vốn NSDP					
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7993900	14/QĐ-UBND ngày 7/4/2023	3.000,000000	3.000,000000	2.800,000000	502,157800	467,182000
2	Xây mới trụ sở UBND xã Lê Chung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8003130	QĐ số 2225 ngày 22/11/2021	9.500,000000	9.500,000000	3.756,000000	3.421,078000	3.421,078000
3	Xây mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thống Nhất, huyện Hạ Lang, Tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang	7953859	811/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	8.000,000000	5.000,000000	2.500,000000	587,613600	587,613600
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				11.333,984000	4.255,304000	1.189,120000	122,905300	122,905300
*	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				11.333,984000	4.255,304000	1.189,120000	122,905300	122,905300
(1)	Đối ứng thực hiện chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				2.733,984000	2.733,984000	931,000000	13,289000	13,289000
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Quang - Nà Lếch xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876	941/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	2.733,984000	2.733,984000	931,000000	13,289000	13,289000
(2)	Đối ứng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				8.600,000000	1.521,320000	258,120000	109,616300	109,616300
1	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tông thị trấn Nước Hai - Dê Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	4.000,000000	601,320000	58,120000	58,120000	58,120000
2	Xây dựng Nhà văn hóa xã Ngọc Động, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7999043	1945/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600,000000	920,000000	200,000000	51,496300	51,496300
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				14.369.814,224000	306.318,077000	234.896,804000	233.264,339600	233.264,339600
I	Các hoạt động kinh tế				14.331.618,000000	285.386,657000	231.496,804000	231.496,804000	231.496,804000
I.1	Giao thông				14.331.618,000000	285.386,657000	231.496,804000	231.496,804000	231.496,804000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/dơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	7868093	1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	14.331.618.000000	285.386.657000	231.496.804000	231.496.804000	231.496.804000
II	Bảo vệ môi trường				14.480.100000	14.480.100000	1.000.000000	1.000.000000	1.000.000000
II.1	Tài nguyên				14.480.100000	14.480.100000	1.000.000000	1.000.000000	1.000.000000
I	Dự án Lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ ít sung yếu rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Tài nguyên và Môi trường	7950540	506/QĐ-UBND ngày 31/03/2021	14.480.100000	14.480.100000	1.000.000000	1.000.000000	1.000.000000
II	Quy hoạch				8.786.124000	2.780.000000	120.000000	81.520000	81.520000
I	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066692	758/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023; 2067/QĐ-UBND, ngày 10/11/2023	2.989.6111000	1.390.000000	40.000000	40.000000	40.000000
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hòa An	UBND huyện Hòa An	8062298	1078/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	2.646.788000		40.000000	1.520000	1.520000
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	UBND huyện Quảng Hòa		840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023	3.149.725000	1.390.000000	40.000000	40.000000	40.000000
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				14.930.000000	3.671.320000	2.280.000000	686.015600	686.015600
	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				14.930.000000	3.671.320000	2.280.000000	686.015600	686.015600
*	Đối ứng Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới				14.930.000000	3.671.320000	2.280.000000	686.015600	686.015600
(1)	Huyện Hà Quảng				-	-	200.000000	1.140000	1.140000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đường sân vận động xã, xóm Gặm Dầu xã Lưong Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8013618				200,000000	1,140000	1,140000
(2)	<b>Huyện Trùng Khánh</b>								
1	Đường giao thông nội đồng xóm Pò, Pèo-Phia Muồng, xã Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh			230,000000	230,000000	200,000000	200,000000	200,000000
(3)	<b>Huyện Quảng Hòa</b>								
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Quốc Dân cũ thành điểm trường mầm non xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7997740	1844/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.500.000000	1.000.000000	1.000.000000	12,051000	12,051000
2	Nhà văn hóa xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8001676	48/QĐ-BQLDA ngày 09/05/2023	4.600.000000	920.000000	100.000000	100.000000	100.000000
3	Trạm y tế xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	1942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600.000000	920.000000	480.000000	72,824600	72,824600
(4)	<b>Huyện Hòa An</b>								
1	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tằng thị trấn Nước Hai - Dê Đócng, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	4.000.000000	601,320000	300.000000	300.000000	300.000000
C	<b>Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</b>				10.000.000000	10.000.000000	2.794.406000	882,541000	882,541000
I	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>				10.000.000000	10.000.000000	2.794.406000	882,541000	882,541000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	Trường tiểu học Dân Chủ, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	7947492	341/QĐ-SXD ngày 10/3/2022	5.000,000000	5.000,000000	1.794,406000	189,431000	189,431000
*	<i>Đổi ứng Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>								
1	Trạm y tế xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8030176	QĐ số 4734 ngày 08/11/2022	5.000,000000	5.000,000000	1.000,000000	693,110000	693,110000
(B)	<b>Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác</b>				<b>1.103,346,901000</b>	<b>659,606,342000</b>	<b>247,933,734000</b>	<b>222,092,778092</b>	<b>222,007,606092</b>
A	<b>Nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương</b>				<b>52,538,691000</b>	<b>12,177,600000</b>	<b>12,052,600000</b>	<b>3,411,625000</b>	<b>3,326,453000</b>
I	<b>Các hoạt động kinh tế</b>				<b>46,518,006000</b>	<b>6,499,000000</b>	<b>6,499,000000</b>	<b>1,180,913000</b>	<b>1,180,913000</b>
L1	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thú y sản</b>				<b>46,518,006000</b>	<b>6,499,000000</b>	<b>6,499,000000</b>	<b>1,180,913000</b>	<b>1,180,913000</b>
1	Dự án ổn định dân cư biên giới xóm Lũng Mản và cum dân cư Lũng Pịa, xã Đực Hãnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	7815854	3032/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	46.518,006000	6.499,000000	6.499,000000	1.180,913000	1.180,913000
II	<b>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật</b>				<b>2.020,685000</b>	<b>1.678,600000</b>	<b>2.553,600000</b>	<b>2.091,900000</b>	<b>2.091,900000</b>
*	<b>Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia</b>				<b>2.020,685000</b>	<b>1.678,600000</b>	<b>2.553,600000</b>	<b>2.091,900000</b>	<b>2.091,900000</b>
	<i>Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm, tổ dân phố</i>				<b>2.020,685000</b>	<b>1.678,600000</b>	<b>2.553,600000</b>	<b>2.091,900000</b>	<b>2.091,900000</b>
(1)	UBND huyện Bảo Lạc	UBND huyện Bảo Lạc					<b>125,000000</b>	<b>125,000000</b>	<b>125,000000</b>
(2)	Thành phố Cao Bằng				<b>1.895,685000</b>	<b>1.553,600000</b>	<b>1.553,600000</b>	<b>1.091,900000</b>	<b>1.091,900000</b>

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 3, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064574	3045/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	129,219000	125,000000	1,786000	1,786000
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 8, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066689	3050/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	102,619000	100,000000	0,810000	0,810000
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 2 phường Hòa Chung, TP Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8069466	1966/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	340,892000	332,000000	332,000000	332,000000
4	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 5, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064573	3031/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	209,246000	168,000000	3,024000	3,024000
5	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 8, phường Đẻ Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8068571	1838/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	114,453000	100,000000	25,680000	25,680000
6	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 15, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071040	1985/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	140,632000	100,000000	100,000000	100,000000
7	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 3, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071039	1876/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	278,598000	227,600000	227,600000	227,600000
8	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 2, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071038	1879/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	219,464000	163,000000	163,000000	163,000000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMĐT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 1, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071037	1833/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND TPCB	275.263000	163.000000	163.000000	163.000000	163.000000
10	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ 6, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8074888	2030/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND TPCB	85.299000	75.000000	75.000000	75.000000	75.000000
(3)	Huyện Trùng Khánh			0,00	-	-	750.000000	750.000000	750.000000
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Phia Bó-Cô Bầy, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					125.000000	125.000000	125.000000
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Nà Mẩn-Bản Piên, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Kéo Tông, xã Lăng Hiêu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Sắc Thượng - Búng Ó, xã Quang Trung, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Sơn Lộ, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tổ dân phố 2, Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					125.000000	125.000000	125.000000
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tổ dân phố 4, Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000
(4)	Huyện Hòa An				125.000000	125.000000	125.000000	125.000000	125.000000
1	Sửa chữa nhà văn hóa xóm Khuổi Bóc, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	UBND huyện Hòa An	8063688	QĐ số 158 ngày 06/11/2023	125.000000	125.000000	125.000000	125.000000	125.000000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT			
					Trong đó: vốn NSDP				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				4.000,000000	4.000,000000	3.000,000000	138,812000	53,640000
I	Trường THCS Minh Thanh, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình	8018063	4484/QĐ-UBND huyện ngày 22/11/2022	4.000,000000	4.000,000000	3.000,000000	138,812000	53,640000
B	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh				414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000
I	Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	7723351	56/QĐ-UBND ngày 22/01/2020; 1158/QĐ-UBND ngày 06/7/2020; 1070/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000
C	Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển năm 2023				636.552,612000	233.173,144000	234.511,880000	217.311,899092	217.311,899092
I	Quốc phòng				5.297,000000	5.297,000000	5.297,000000	4.909,930000	4.909,930000

STT	Tên mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cần các loại biển báo “Khu vực hiện giới”, “Vành đai biên giới”, “vùng cấm” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	BCH BP tỉnh CB	7004686	Số 1484/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh	5.297,000000	5.297,000000	5.297,000000	4.909,930000	4.909,930000
II	Các hoạt động kinh tế				227.872,000000	159.106,000000	159.106,000000	154.701,096000	154.701,096000
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				227.872,000000	159.106,000000	159.106,000000	154.701,096000	154.701,096000
I	Đập dâng nước thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8042648	1566/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	150.000,000000	150.000,000000	150.000,000000	145.595,096000	145.595,096000
2	Dự án thành phần số 3 Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Cao Bằng thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc	Sở Nông nghiệp và PTNT	8.012.098	5137/QĐ-BNN-PCTT	77.872,000000	9.106,000000	9.106,000000	9.106,000000	9.106,000000
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				38.000,000000	38.000,000000	38.000,000000	36.742,530000	36.742,530000
I	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trường chính trị Hoàng Đình Giọng, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	8051328	1297/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	38.000,000000	38.000,000000	38.000,000000	36.742,530000	36.742,530000
IV	Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				282.183,000000	-	5.000,000000	99,801592	99,801592



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					Tổng số	TMDT Trong đó: vốn NSĐP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8001668	182/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	282.183.000000		5.000.000000	99.801592	99.801592
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				61.017.972000	25.587.504000	21.453.880000	15.268,988000	15.268,988000
V.1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025				61.017.972000	25.587.504000	21.453.880000	15.268,988000	15.268,988000
*	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				43.917.972000	18.526,184000	17.795,000000	11.701,187000	11.701,187000
(1)	Huyện Bảo Lạc				8.300.000000	3.345,000000	2.545,000000	839,482000	839,482000
1	Công trình nước sinh hoạt Khuổi Tăng (xóm Nà Nộc), xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8043366	Số 2311/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	1.500.000000	545,000000	545,000000	319,482000	319,482000
2	Đường giao thông Bản Khuông - Chau Pầu, xã Hồng Trì, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8055597		4.800.000000	1.000,000000	1.000,000000	10,000000	10,000000
3	Thủy lợi Thang Buông, xã Hồng Trì, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8053223		2.000.000000	1.800,000000	1.000,000000	510,000000	510,000000
(2)	Huyện Hạ Lang				14.900.000000	2.602,000000	2.319,000000	1.727,761000	1.727,761000
1	Xây dựng chợ thị trấn Thanh Nhất, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang	8067059	2301/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	14.900.000000	2.602,000000	2.319,000000	1.727,761000	1.727,761000
(3)	Huyện Trùng Khánh				-	-	3.003,000000	3.003,000000	3.003,000000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nhà văn hóa xóm Ràng Rang, xã Lăng Hiếu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					200,000000	200,000000	200,000000
2	Nhà văn hóa Tô dân phố 5, Thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					250,000000	250,000000	250,000000
3	Nhà văn hóa xóm Cốc Càng, Thị trấn Trà Linh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					250,000000	250,000000	250,000000
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Nà Thầu, Thị trấn Trà Linh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					75,000000	75,000000	75,000000
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Bàn Quan, xã Phong Châu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					129,000000	129,000000	129,000000
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Pác Còng - Bải Siêng, xã Phong Châu, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					147,000000	147,000000	147,000000
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tô dân phố 6, Thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					183,000000	183,000000	183,000000
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tô dân phố 7, Thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					233,000000	233,000000	233,000000
9	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tô dân phố 8, Thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					263,800000	263,800000	263,800000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Đông Giải, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					147,000000		147,000000
11	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Pác Rao, xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					197,200000		197,200000
12	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Đầu Cầu, xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					171,000000		171,000000
13	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Lũng Nội, xã Chi Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					129,000000		129,000000
14	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Bàn Ruộc, xã Chi Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					147,000000		147,000000
15	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Bàn Khuông - Cốc Chia, xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					165,000000		165,000000
16	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Vĩnh Quang, Thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					316,000000		316,000000
(4)	<b>Huyện Thạch An</b>						<b>2.040,000000</b>		<b>108,652000</b>
1	Trạm y tế xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Thạch An	8007240	2914/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	6.720,000000	2.040,000000	2.040,000000	108,652000	108,652000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMBĐT		Tổng số			
					Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP				
(5)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Quang - Nà Lếch xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876	941/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	2.733,984000	2.733,984000	82,800000	82,800000	82,800000	
2	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Sang, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		215/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	278,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
3	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Phriet, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		216/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	280,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
4	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Lũng Rỵ, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		217/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	195,000000	165,000000	165,000000	165,000000	165,000000	
5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Khùn, xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		196/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	360,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
6	Xây mới nhà văn hóa xóm Khuổi Rung, xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		195/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	360,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
7	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố Phia Khoang, thị trấn Tả Lũng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		305/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	550,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
8	Xây mới nhà văn hóa xóm Hắt Pải, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		175/QĐ-UBND ngày 23/12/2023	530,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	
9	Xây mới nhà văn hóa xóm Hồng Định VI, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		178/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	320,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Xây mới nhà văn hóa xóm Phúc Dũng, xã Phi Hải, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	420,000,000	250,000,000	250,000,000		250,000,000
11	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố 1, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		178/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	550,000,000	250,000,000	250,000,000		250,000,000
12	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố 9, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		180/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	550,000,000	250,000,000	250,000,000		250,000,000
13	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố 3, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		179/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	125,000,000	125,000,000	125,000,000		125,000,000
14	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Bó Tềng, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		176/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	129,000,000	129,000,000	129,000,000		129,000,000
15	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		233/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	264,996,000	136,200,000	136,200,000		136,200,000
(6)	<b>Huyện Hà Quảng</b>				<b>1.807,992,000</b>	<b>1.750,000,000</b>	<b>1.750,000,000</b>		<b>288,353,000</b>
1	Nhà văn hóa xóm Phia Khao, xã Yên Sơn	UBND huyện Hà Quảng	8067254	120/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	266,200,000	250,000,000	250,000,000		8,208,000
2	Nhà văn hóa xóm Phiêng Pán, xã Cán Nông	UBND huyện Hà Quảng	8068585	65/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	253,000,000	250,000,000	250,000,000		10,855,000
3	Nhà văn hóa xóm Thành Công, xã Mã Ba	UBND huyện Hà Quảng	8069842	117/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	252,500,000	250,000,000	250,000,000		1,479,000
4	Nhà văn hóa xóm Sơn Hà, xã Đa Thông	UBND huyện Hà Quảng	8067841	149/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	255,000,000	250,000,000	250,000,000		8,069,000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMBĐT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Nhà văn hóa xóm Thượng Sơn, xã Thượng Thôn	UBND huyện Hà Quảng	8070066	113/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	252,000000	250,000000	250,000000	1,476000	1,476000
6	Nhà văn hóa xóm Nà Lùng, xã Cản Yên	UBND huyện Hà Quảng	8068048	98/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	253,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000
7	Nhà văn hóa xóm Thanh Sơn, xã Thanh Long	UBND huyện Hà Quảng	8068582	119/QĐ-UBND, ngày 07/11/2023	276,292000	250,000000	250,000000	8,266000	8,266000
(7)	Trường PTDT nội trú Hoà an	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	8023530	465/QĐ-XSD ngày 15/3/2023	4.544,000000	3.000,000000	3.000,000000	2.595,939000	2.595,939000
**	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>				17.100,000000	7.061,320000	3.658,880000	3.567,801000	3.567,801000
(1)	Huyện Quảng Hòa				8.300,000000	1.660,000000	1.037,000000	945,921000	945,921000
1	Sân thể thao xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8015438	1946/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.700,000000	740,000000	597,000000	583,205000	583,205000
2	Trạm y tế xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	1942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600,000000	920,000000	440,000000	362,716000	362,716000
(2)	Huyện Hòa An				8.800,000000	5.401,320000	2.621,880000	2.621,880000	2.621,880000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Trường Tiểu học Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7985998	QĐ số 3468 ngày 26/8/2022	4.800,000000	4.800,000000	960,000000	960,000000	960,000000
2	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tềng thị trấn Nước Hai - Dê Đóng, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	4.000,000000	601,320000	615,706000	615,706000	615,706000
3	Cải tạo chợ trung tâm huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		Chưa có Quyết định phê duyệt			846,174000	846,174000	846,174000
4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		Chưa có Quyết định phê duyệt			200,000000	200,000000	200,000000
V I	Xử lý công nợ phải trả đối với các dự án đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành				182,640000	182,640000	655,000000	589,553500	589,553500
I	Đường Tam Kim - Hoa Thám, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình	7160283				24,230000	24,230000	24,230000
2	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa Tổ dân phố 4, thị trấn Nguyễn Bình, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình	8063004		182,640000	182,640000	182,640000	171,459000	171,459000
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hàng Châu - Nhà máy thủy điện Nà Lòa, tỉnh Cao Bằng	Công ty cổ phần thủy điện - luyện kim Cao Bằng	7313124				448,130000	393,864500	393,864500
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				22.000,000000	5.000,000000	5.000,000000	5.000,000000	5.000,000000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT	Tổng số			
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8055331	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023	22.000,000000	5.000,000000	5.000,000000	5.000,000000	5.000,000000
1					6	7	8	9	10



Biểu số 2

**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO CẤP HUYỆN BỔ TRÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	TMDT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	<b>TỔNG SỐ</b>										
(I)	UBND thành phố Cao Bằng				188.440,072.000	155.903,501.000	91.255,425.000	39.246,564.392	52.008,860.608	51.654,357.215	
I	Nguồn tiết kiệm chi				542,424.000	250,000.000	250,000.000	249,846.543	0,153.457	0,153.457	
*	Hỗ trợ xây nhà văn hóa				542,424.000	250,000.000	250,000.000	249,846.543	0,153.457	0,153.457	
1	Xây dựng mới nhà văn hóa tổ 6, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064572	3035/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	542,424.000	250,000.000	250,000.000	249,846.543	0,153.457	0,153.457	
(II)	UBND huyện Quảng Hòa				62.116,920.000	53.308,984.000	37.400,333.000	13.032,765.400	24.567,567.600	23.958,467.618	
I	Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước			0	28.133,984.000	19.443,984.000	11.169,333.000	8.435,853.400	2.733,479.600	2.324,379.618	
1	Xây dựng biểu tượng, vườn hoa Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7924660	3345/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	11.800,000.000	11.800,000.000	6.965,578.000	6.475,828.900	489,749.100	88,212.000	
2	Xây dựng biểu tượng, vườn hoa Quảng Uyên giai đoạn 2, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8040988	1285/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	2.800,000.000	2.800,000.000	2.054,538.618	1.136,088.000	918,450.618	918,450.618	
*	Đổi ứng thực hiện chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi										
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Quang - Nà Lếch xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876	941/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	2.733,984.000	2.733,984.000	890,000.000	-	890,000.000	890,000.000	
2	Cải tạo chợ Cai Bó, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8025940	660/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	800,000.000	800,000.000	799,216.382	783,528.500	15,687.882	8,125.000	
*	Đổi ứng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới										
1	Xây dựng Nhà văn hóa xã Ngọc Động, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7999043	1945/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600,000.000	230,000.000	230,000.000		230,000.000	230,000.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMĐT		Tổng số				
					Trong đó: vốn NSDP	Trong đó: vốn NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
2	Xây dựng Nhà văn hóa xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8007262	1886/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	5.400,000000	1.080,000000	230,000000	40,408000	189,592000	189,592000	
II	Tăng thu ngân sách địa phương				492,936000	375,000000	375,000000	-	375,000000	375,000000	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm, tổ dân phố Hòa Nam - Hòa Trung, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		232/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	192,936000	125,000000	125,000000		125,000000	125,000000	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm Đâu Cầu 2, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		171a/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	150,000000	125,000000	125,000000		125,000000	125,000000	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm Bàn Lãng, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		172/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	150,000000	125,000000	125,000000		125,000000	125,000000	
III	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác				33.490,000000	33.490,000000	25.856,000000	4.596,912000	21.259,088000	21.259,088000	
1	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051547	2053/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	11.700,000000	11.700,000000	11.700,000000	3.509,527000	8.190,473000	8.190,473000	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường nội thị huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8053792	2110/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	1.500,000000	1.500,000000	1.500,000000	474,315000	1.025,685000	1.025,685000	
3	Đường vào Tiểu đội dân quân thường trực thị trấn Tả Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051788	1948/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	1.500,000000	1.500,000000	1.500,000000	405,785000	1.094,215000	1.094,215000	
4	Trồng cây xanh, xây dựng bồn hoa, lối đi dạo, tạo cảnh quan môi trường khu vực Quảng trường Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8058252	2301/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	4.790,000000	4.790,000000	1.500,000000	207,285000	1.292,715000	1.292,715000	
5	Đường GTNT Bàn Trang - Lạn Dưới, xã Tư Dò, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8069846	3309/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	4.400,000000	4.400,000000	4.400,000000		4.400,000000	4.400,000000	
6	Đường GTNT Nà Cươn xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8069845	3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	2.500,000000	2.500,000000	2.500,000000		2.500,000000	2.500,000000	
7	Đường GTNT Bàng Quy - Hương Lỳ, xã Bế Văn Đán, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8069844	3329/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	1.500,000000	1.500,000000	1.500,000000		1.500,000000	1.500,000000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm Tắc Kha, xã Chí Tháo, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8067259	2318/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	300,000000	300,000000	300,000000		300,000000	300,000000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMĐT					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Dự án tu bổ tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa Miếu Bạch Linh, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		3403/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	656.000.000		656.000.000	656.000.000
10	Dự án tu bổ tôn tạo di tích lịch sử Đền Trần Duy Bàng, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		3404/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.300.000.000	2.300.000.000	300.000.000		300.000.000	300.000.000
(III)	UBND huyện Hòa An				35.322.516.000	31.923.836.000	11.423.182.000	812.041.467	10.611.140.533	10.611.140.533
I	Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước				-	-	50.000.000		50.000.000	50.000.000
I	Cầu treo xóm Mã Quan, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		Chưa có Quyết định phê duyệt			50.000.000		50.000.000	50.000.000
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất									
(I)	Đổi ứng Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới (Huyện bố trí)									
1	Đường giao thông liên xã: Văn Thu (xã Nam Tuấn) - Hạ Thôn (huyện Hà Quảng), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7986335	QĐ số 3449 ngày 26/8/2022	25.147.717.000	21.749.037.000	2.373.182.000	812.041.467	1.561.140.533	1.561.140.533
2	Trường Tiểu học Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7985998	QĐ số 3468 ngày 26/8/2022	14.400.000.000	11.001.320.000	663.530.000	232.224.000	431.306.000	431.306.000
3	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tằng, Nà Mè thị trấn Nước Hai - Đe Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	5.600.000.000	5.600.000.000	201.760.000	197.311.000	4.449.000	4.449.000
(2)	CTMTQG phát triển tình tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Huyện bố trí)									
1	Điện sinh hoạt xóm Cao Sơn, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8026931	QĐ số 4923/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	10.747.717.000	10.747.717.000	1.709.652.000	579.817.467	1.129.834.533	1.129.834.533
2	Chỉnh trang khuôn viên di tích Năm Lìn xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8059861	QĐ số 1993/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	378.484.000	378.484.000	360.060.000	357.661.000	2.399.000	2.399.000
3	Sau gạt mặt bằng Trường mầm non Quang Trung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8058821	QĐ số 2833/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	109.125.000	109.125.000	109.125.000	85.258.000	23.867.000	23.867.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư							Kết hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch năm 2023				
				1	2	3	4							
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			
4	Nâng cấp Di tích lịch sử Nguyễn Siêu, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8068949	QĐ số 2833/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	144,406000	144,406000	144,406000	144,406000	107,447467	738,613533	144,406000			
5	Đầu tư Hạ tầng khu dân cư gồm sự Cầu Khanh xóm 9 Bè Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An (44)	UBND huyện Hòa An	7971833	QĐ số 3569/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	2.943,095000	2.943,095000	2.943,095000	846,061000	107,447467	9.000,000000	738,613533			
III	Nguồn vốn sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP năm 2023				10.174,799000	10.174,799000	10.174,799000	9.000,000000	-	9.000,000000	9.000,000000			
(IV)	UBND huyện Hà Quảng													
I	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP theo tiêu chí	UBND huyện Hòa An	7971834	QĐ số 3297/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	10.174,799000	10.174,799000	10.174,799000	9.000,000000		9.000,000000	9.000,000000			
*	Cân đối ngân sách huyện													
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7951532					2.999,880000	2.923,472531	76,407469	76,407469			
*	Các dự án đối ứng Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025							330,000000	248,538000	81,462000	81,462000			
1	Đổ bê tông đường GTNT (Gần Giu- Biền Thê), xã Ngọc Đảo, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8026653					230,000000	213,474000	16,526000	16,526000			
2	Xây mới nương Nà Tô- Nà Con- Bó Tào, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8062012					100,000000	35,064000	64,936000	64,936000			
*	Các công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù							4.500,000000	4.326,719700	173,280300	173,280300			
1	Bê nước sinh hoạt các xóm Tánh Cả Lúa, xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7986030					1.000,000000	964,031000	35,969000	35,969000			
2	Nước sinh hoạt các xóm Hồng Việt, xã Trường Hà, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7989546					1.000,000000	896,804700	103,195300	103,195300			
3	Mương Thủy lợi Xóm Nà Tô, Xóm Cốc Vương, Xã Sóc Hà	UBND huyện Hà Quảng	7985186					1.000,000000	975,106000	24,894000	24,894000			
4	Đường GTNT Làng Dầy, xóm Phia Viêng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	8019195					500,000000	496,926000	3,074000	3,074000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Đường GTNT Lũng Xông - Lũng Lông xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	7992947				1.000.000.000	993.852.000	6.148.000	6.148.000
II	Nguồn vốn thu sử dụng đất (Thu tại huyện) Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xóm)						752.000.000	379.358.430	372.641.570	372.641.570
1	Thị trấn Xuân Hòa	UBND huyện Hà Quảng	8067854				50.000.000		50.000.000	50.000.000
2	Xã Đa Thống	UBND huyện Hà Quảng	8068580				100.000.000	99.057.131	0,942869	0,942869
4	Xã Cản Yên	UBND huyện Hà Quảng	8069643				30.000.000		30.000.000	30.000.000
5	Xã Cản Nóng	UBND huyện Hà Quảng	8069463				70.000.000		70.000.000	70.000.000
6	Xã Thanh Long	UBND huyện Hà Quảng	8068579				30.000.000	29,940299	0,059701	0,059701
7	Xã Ngọc Đông	UBND huyện Hà Quảng	8068583				52.000.000	51,896000	0,104000	0,104000
9	Xã Sóc Hà	UBND huyện Hà Quảng	8067258				100.000.000	99,000000	1,000000	1,000000
10	UBND xã Quý Quán	UBND huyện Hà Quảng	8073862				30.000.000		30.000.000	30.000.000
13	Xã Tổng Cột	UBND huyện Hà Quảng	8067257				100.000.000	99,465000	0,535000	0,535000
14	Xã Hồng Sỹ	UBND huyện Hà Quảng	8069907				100.000.000		100,000000	100,000000
15	Xã Mã Ba	UBND huyện Hà Quảng	8068581				90.000.000		90,000000	90,000000
III	Nguồn vốn tài trợ						2.000.000.000	1.670.497.000	329.503.000	329.503.000
I	Trường Phổ thông dân tộc bán trú và THCS Yên Sơn, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8069299				2.000.000.000	1.670.497.000	329.503.000	329.503.000
(IV)	UBND huyện Trưng Khánh						11.076,681.000	5.578,969.000	5.697,712.000	5.697,712.000
							31.568.272.000	29.797,681.000	29.797,681.000	29.797,681.000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMĐT					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức				19.000,000000	19.000,000000	5.809,000000	1.984,130000	3.824,870000	3.824,870000
1	Nhà văn hóa Trung tâm thị trấn Trà Linh, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trà Long Khánh		2601a/QĐ-UBND, 06/08/2021	9.000,000000	9.000,000000	500,000000	-	500,000000	500,000000
2	Đường nội thị Tô 2 - tô 3, thị trấn Trà Long Khánh, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trà Long Khánh	7913585		10.000,000000	10.000,000000	5.309,000000	1.984,130000	3.324,870000	3.324,870000
II	Nguồn thu sử dụng đất				3.238,272000	1.467,681000	1.467,681000	465,570000	1.002,111000	1.002,111000
*	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT các xã									
1	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Xuân Nội, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh		163/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	135,000000	84,150000	84,150000	-	84,150000	84,150000
2	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Phong Châu, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh		83/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	241,606000	101,606000	101,606000	-	101,606000	101,606000
3	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT cho các xóm, xã Ngọc Côn năm 2023, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trà Long Khánh	8.064.579	125/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	495,055000	240,000000	240,000000	82,769000	157,231000	157,231000
4	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Đình Phong, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh		95a/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	162,000000	76,000000	76,000000	-	76,000000	76,000000
5	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Đàm Thủy, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh		177/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	238,830000	109,199000	109,199000	-	109,199000	109,199000
6	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Chí Viễn, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh	8.064.568	139a/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	325,000000	130,000000	130,000000	-	130,000000	130,000000
7	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Trì Phương, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trà Long Khánh		152/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	471,969000	240,000000	240,000000	-	240,000000	240,000000
8	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT các xóm, xã Trung Phúc, huyện Trà Long Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trà Long Khánh	8.067.529	139/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	282,025000	102,160000	102,160000	75,420000	26,740000	26,740000

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMĐT		Trong đó: vốn NSDP				
					Tổng số						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
9	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Đoài Dương, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trưng Khánh	8.068.570	117/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	545,880000	240,000000	240,000000	181,438000	58,562000	58,562000	
10	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT xã Cao Thăng, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trưng Khánh	8.068.574	90/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	340,907000	144,566000	144,566000	125,943000	18,623000	18,623000	
III	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi				9.330,000000	9.330,000000	3.800,000000	2.929,269000	870,731000	870,731000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh	8.020.227		5.000,000000	5.000,000000	2.000,000000	1.308,164000	691,836000	691,836000	
2	Cải tạo, nâng cấp nương Báp, xóm Long Giang, xã Chí Viễn, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh	8.023.529		800,000000	800,000000	800,000000	781,478000	18,522000	18,522000	
3	Cải tạo, nâng cấp nương Nà Thán, xóm Cốc Lại, xã Đức Hồng, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh	8.023.528		850,000000	850,000000	850,000000	830,707000	19,293000	19,293000	
4	Cải tạo đường Phia Phú, thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh		3607a/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.500,000000	2.500,000000	100,000000		100,000000	100,000000	
5	Cải tạo, nâng cấp Nhà để xe trường THPT Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh	UBND huyện Trưng Khánh	8.067.531	3609a/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	180,000000	180,000000	50,000000	8,920000	41,080000	41,080000	
(VI)	UBND huyện Hạ Lang				29.460,000000	16.060,000000	7.788,000000	1.770,925732	6.017,074268	6.017,074268	
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				29.400,000000	16.000,000000	7.728,000000	1.710,925732	6.017,074268	6.017,074268	
1	Xây dựng các hạng mục phụ trợ; tu bổ, phục hồi di tích Đền thờ Tô Thị Hoan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang			6.500,000000	6.500,000000	1.542,000000		1.542,000000	1.542,000000	
2	Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Kim Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang	8048452	1391/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	800,000000	800,000000	800,000000	699,130000	100,870000	100,870000	
3	Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Đức Quang, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang	8048453	1581/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	800,000000	800,000000	800,000000	723,513732	76,486268	76,486268	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					TMDT					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Nà Lèn - Thị trấn Thanh Nhàn, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8052722	1890/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	300,000000	300,000000	300,000000	288,282000	11,718000	11,718000
5	Xây dựng công trình di tích nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			4.500,000000	4.500,000000	2.786,000000	-	2.786,000000	2.786,000000
6	Cấp điện sinh hoạt xóm Khum Đin, xã Vinh Quý, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			2.400,000000	2.400,000000	800,000000	-	800,000000	800,000000
7	Bảo dưỡng, sửa chữa phần trường Bàn Không, xã Lý Quốc, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			540,000000	540,000000	540,000000	-	540,000000	540,000000
*	<b>Đổi kàng thực hiện CTMTQG giảm nghèo bản vùng</b>				<b>13.560,000000</b>	<b>160,000000</b>	<b>160,000000</b>	-	<b>160,000000</b>	<b>160,000000</b>
1	Đường giao thông liên xã Quang Long - xã Thông Nhất, huyện Hà Lang	UBND huyện Hà Lang	7993847	2129/QĐ-UBND ngày 27/8/2022	7.500,000000	100,000000	100,000000	-	100,000000	100,000000
2	Trường mầm non xã An Lạc, huyện Hà Lang	UBND huyện Hà Lang	7994737	2140/QĐ-UBND ngày 27/8/2022	6.060,000000	60,000000	60,000000	-	60,000000	60,000000
II	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi				60,000000	60,000000	60,000000	60,000000	-	60,000000
1	Hỗ trợ xi măng làm đường GINT năm 2023 xã Thông Nhàn, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8.075.213		60,000000	60,000000	60,000000	60,000000	-	60,000000
(VII)	UBND huyện Nguyễn Bình				1.973,000000	1.875,000000	150,000000	5.500000	144,500000	144,500000
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				1.973,000000	1.875,000000	150,000000	5.500000	144,500000	144,500000
I	Mưong thoát là kết nối với đường nội đồng xóm Giang Sơn, xã Minh Tâm, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình	8041030	90/QĐ-UBND xã ngày 30/5/2023	1.973,000000	1.875,000000	150,000000	5.500000	144,500000	144,500000
(VIII)	UBND huyện Bảo Lâm				14.674,440000	14.642,000000	5.713,411000	3.800,712000	1.912,699000	1.912,699000
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				324,440000	292,000000	292,000000	289,839000	2,161000	2,161000
I	Mưong thủy lợi Khuổi Trang, Bản Mỏ, xã Mông An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	7985362	72/QĐ-UBND, 19/07/2023	324,440000	292,000000	292,000000	289,839000	2,161000	2,161000
II	Nguồn NSDP bổ sung cho chi đầu tư phát triển				13.350,000000	13.350,000000	4.421,411000	2.533,902000	1.887,509000	1.887,509000



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành			Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
				5	6	7	TMDT					
							Tổng số	Trong đó: vốn NSDP				
1	Đường GTNT Khu Piao - Nà Mùng, xóm Nà Luông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8045610	1105/QĐ-UBND; 25/07/2023	2.950.000.000	2.950.000.000	1.500.000.000	968.895.000	531.105.000	11	531.105.000	
2	Đường GTNT Cốc Sôm - Lũng Vài, xóm Nặm Miông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8045613	1108/QĐ-UBND; 25/07/2023	2.980.000.000	2.980.000.000	1.500.000.000	958.120.000	541.880.000		541.880.000	
3	Sửa chữa đắp đê dâng thủy lợi và nạo vét lòng suối khu 1, thị trấn Pác Miếu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm		Số 91/NQ-HĐND ngày 29/6/2023	3.600.000.000	3.600.000.000	700.000.000		700.000.000		700.000.000	
4	Cải tạo, nâng cấp phòng tiếp khách huyện và phòng làm việc Thường trực Huyện ủy, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8065389	Số 1114/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	920.000.000	920.000.000	531.411.000	433.048.000	98.363.000		98.363.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường khu 3 vào xóm Máy Rải, thị trấn Pác Miếu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8046178	1109/QĐ-UBND; 25/07/2023	2.900.000.000	2.900.000.000	190.000.000	173.839.000	16.161.000		16.161.000	
III	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác				1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	976.971.000	23.029.000		23.029.000	
III.1	Nguồn sự nghiệp kiến thiết thị chính bổ sung chi đầu tư phát triển				1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	976.971.000	23.029.000		23.029.000	
1	Sửa chữa, NC mặt đường, rãnh thoát nước và HT điện chiếu sáng Loông Giàng, đường lên trường THCS TT PMiếu, huyện BL, tỉnh CB. HM: Mặt đường, rãnh thoát nước và hệ thống chiếu sáng	UBND huyện Bảo Lâm	8070262	225/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	976.971.000	23.029.000		23.029.000	
(IX)	UBND huyện Thạch An				11.921.000.000	7.636.000.000	4.261.938.000	2.666.817.589	1.595.120.411		1.589.717.000	
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				11.321.000.000	7.036.000.000	4.036.000.000	2.520.177.589	1.515.822.411		1.510.419.000	
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - Giai đoạn I	UBND huyện Thạch An	7962589	223/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	7.500.000.000	5.000.000.000	2.500.000.000	1.134.581.000	1.365.419.000		1.365.419.000	
2	Đường nội đồng Pò Khòe - Phát Đét	UBND huyện Thạch An	8.040.989	1279/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	2.130.000.000	345.000.000	345.000.000	200.000.000	145.000.000		145.000.000	
II	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác				600.000.000	600.000.000	225.938.000	146.640.000	79.298.000		79.298.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	TMBT				
1											
1	Cải tạo sửa chữa di tích lịch sử hàng Nà Mec, xã Văn Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Thạch An	8007195	1949/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	600,000000	600,000000	225,938000	146,640000	79,298000	79,298000	
(X)	UBND huyện Bảo Lạc				861,500000	410,000000	2.610,000000	1.980,401000	629,599000	629,599000	
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				861,500000	410,000000	610,000000	410,000000	200,000000	200,000000	
1	Đường bê tông Lũng Cầm - Lũng Hồ, xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8037293		861,500000	410,000000	610,000000	410,000000	200,000000	200,000000	
II	Nguồn vốn tài trợ				-	-	2.000,000000	1.570,401000	429,599000	429,599000	
1	Trường PTDT bán trú, THCS Cốc Pàng, xã Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8063686				2.000,000000	1.570,401000	429,599000	429,599000	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG  
Số: 479 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Cao Bằng, ngày 04 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### **Đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương**

Thực hiện Thông báo số 39/TB-HĐND ngày 21/02/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho kỳ họp thứ 18 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương

UBND tỉnh Cao Bằng xin báo cáo đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương như sau:

#### **I. Lý do chính để đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 (viết tắt là kéo dài vốn sang năm 2024)**

Trong quá trình thực hiện, nhiều vướng mắc, khó khăn vẫn chưa thể giải quyết triệt để, dứt điểm, chưa thể đẩy nhanh, đẩy mạnh, như: Dự án Cao tốc, chiếm tỷ trọng vốn lớn trong tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023, đến tháng 9/2023 mới phê duyệt đầu tư dự án nên giải ngân thấp; Các vướng mắc khi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Công tác giải phóng mặt bằng chậm, trong đó: vướng mắc về đền bù giá đất, bãi đổ thải, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, thanh lý tài sản...; chưa đánh giá đầy đủ các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, chưa quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện. Ngoài ra, diễn biến của tình trạng khan hiếm vật liệu gây khó khăn cho các nhà thầu trong việc nhập vật liệu để thực hiện dự án; chi phí vận chuyển, mua bán vật liệu tăng cao làm ảnh hưởng đến công tác lập dự toán và thi công xây dựng, nhất là các công trình thực hiện hợp đồng trọn gói, đơn giá cố định, nhiều doanh nghiệp tạm giãn tiến độ thi công chờ thị trường vật liệu bình ổn, giảm giá.

Từ những khó khăn, vướng mắc trên ảnh hưởng đến việc thực hiện và giải ngân của một số chương trình, dự án, không thể giải ngân hết số kế hoạch vốn năm 2023 được giao. Tuy nhiên có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.

#### **II. Nội dung đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.**

Căn cứ Khoản 2, Điều 68 Luật Đầu tư công; Căn cứ Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, trong đó quy định về thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm có quy định: *HĐND cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau:*

- a) Dự án quan trọng quốc gia;
- b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
- c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;
- d) Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;
- đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
- e) Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
- g) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.

Để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định trên, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các chủ đầu tư rà soát, đề xuất kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 và rà soát, thống nhất rõ lý do xin kéo dài. Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, số liệu đã được Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh rà soát, kiểm tra và được thực hiện lấy ý kiến của các đơn vị. Danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 đã được các đơn vị chủ đầu tư giải trình rõ lý do kéo dài, về cơ bản đều thuộc các trường hợp được phép kéo dài theo quy định tại khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Cụ thể:

Tổng số số dự án năm 2023 đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 210 dự án, với tổng số vốn là 1.086.569,728169 triệu đồng.

### **1. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh bố trí**

Có 112 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2024 với tổng số vốn là 1.024.530,734227 triệu đồng, cụ thể:

- Có 3 dự án thuộc trường hợp “Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng” (điểm b);
- Có 1 dự án thuộc trường hợp “Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng”, “Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng

kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau” (điểm c, d);

- Có 4 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau” (điểm d);

- Có 46 dự án thuộc trường hợp “Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép” (điểm đ), với số vốn là **14.442,186957** triệu đồng.

(chi tiết tại biểu số 2)

### 3. Đối với các dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước

Có 8 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2024 với tổng số vốn là: 10.384,636727 triệu đồng (văn bản thực hiện theo quy định về Bảo vệ bí mật của Nhà nước).

### III. Đối với các dự án chưa giải ngân được của kế hoạch năm 2023 và không có đề xuất kéo dài sang năm 2024.

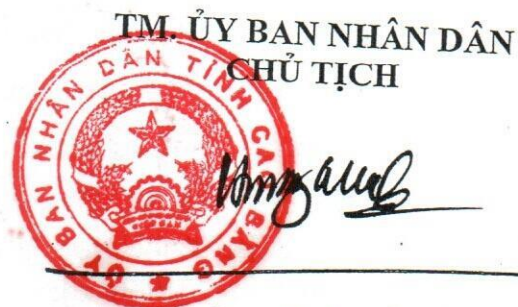
- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các chủ đầu tư rà soát và xác định chính xác danh mục và số kế hoạch vốn năm 2023 chưa giải ngân được.

- Sau khi xác định được chính xác số liệu thì đề nghị thu hồi số vốn này để tái đầu tư, bố trí vốn cho các dự án quan trọng, cần đẩy nhanh tiến độ theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo đề xuất danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VP: CVP, các PCVP, CV TH;
- Lưu VT, TH (Đ).



Hoàng Xuân Ánh

năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau” (điểm b, d);

- Có 30 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau” (điểm c);

- Có 33 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau”, “Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau” (điểm c, d);

- Có 33 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau”, “Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép” (điểm c, đ);

- Có 03 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau” (điểm d);

- Có 39 dự án thuộc trường hợp “Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép” (điểm đ), với số vốn là **814.557,329389/ 1.086.569,728169 triệu đồng, bằng 75,0% số vốn đề xuất kéo dài**, trong đó: dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), với số vốn là 782.302,372000 triệu đồng.

(chi tiết tại biểu số 1)

## 2. Đối với nguồn ngân sách địa phương do cấp huyện bố trí.

Có 90 dự án đề xuất kéo dài vốn sang năm 2023 với tổng số vốn là: 51.654,357215 triệu đồng, cụ thể là:

- Có 1 dự án thuộc trường hợp “Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng” (điểm b);

- Có 32 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau” (điểm c);

- Có 7 dự án thuộc trường hợp “Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau”, “Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết

**Biểu số 1**  
**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO CẤP TỈNH BỔ TRỢ**  
*(Kèm theo Báo cáo số 149/BC-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2023 sang năm 2024	Lý do để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, e, g)
				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	TMDT						
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
(A)	Vốn đầu tư trong chi NSDP theo tiến chi, định mức				30.377.865.865.000	3.122.728.576.000	1.071.794.197.000	1.025.181.497.659	1.024.530.734.227			
A	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				29.276.326.956.000	2.464.872.234.000	823.860.463.000	803.088.719.567	802.523.128.135			
I	Quốc phòng				14.896.512.732.000	2.148.554.157.000	586.169.253.000	568.941.838.967	568.376.247.535			
I	Xây dựng nhà tiền chế dân quân thường trực xã Kham Thành, huyện Trưng Khánh	Bộ CHQS Cao Bằng	7004686	Số: 1888/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2.000.000.000	1.000.000.000	1.761.752.000	14.481.000	8.100.000			
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Kéo Yên (cũ) làm nhà tiền chế dân quân thường trực xã Lăng Năm, huyện Hà Quảng	Bộ CHQS Cao Bằng	7004686	Số: 1888/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	879.894.000	6.302.000	4.050.000			
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				1.000.000.000	1.000.000.000	881.858.000	8.179.000	4.050.000			
I	Trung tâm chi huy Công an tỉnh Cao Bằng	Công an tỉnh Cao Bằng	7004692	8402/QĐ-BCA-H01 18/10/2021	393.000.000.000	150.000.000.000	10.000.000.000	6.691.052.289	6.691.052.289			
III	Khoa học, công nghệ				393.000.000.000	150.000.000.000	10.000.000.000	6.691.052.289	6.691.052.289			
I	Xây dựng hạ tầng triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cao Bằng	Sở Khoa học và Công nghệ	7903077	2637/QĐ/UBND, 24/12/2020	3.498.999.000	3.498.999.000	398.740.000	218.967.632	6.233.000			
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tin				10.000.000.000	10.000.000.000	500.000.000	500.000.000	188.500.000			
I	Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD số Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng	Đài PT-TH Cao Bằng	8069471	2178/QĐ-UBND, 18/11/2021	10.000.000.000	10.000.000.000	500.000.000	500.000.000	188.500.000			
V	Bảo vệ môi trường				24.999.600.000	24.999.600.000	10.799.600.000	4.718.842.000	4.718.842.000			
V.1	Môi trường				10.000.000.000	10.000.000.000	9.700.000.000	3.619.242.000	3.619.242.000			
I	Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trưng Khánh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh	8.001.192	2214/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021	10.000.000.000	10.000.000.000	9.700.000.000	3.619.242.000	3.619.242.000			
2	Xử lý rác thải ô nhiễm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	7984439	2905/UBND huyện ngày 30/6/2022	14.999.600.000	14.999.600.000	1.099.600.000	1.099.600.000	1.099.600.000			
VI	Các hoạt động kinh tế				14.431.180.149.000	1.936.300.254.000	552.464.041.000	552.164.734.346	552.164.734.346			
VI.1	Giao thông				14.331.618.000.000	1.840.754.000.000	551.044.041.000	550.805.568.000	550.805.568.000			
I	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đông Dạng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	7868093	1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	14.331.618.000.000	1.840.754.000.000	551.044.041.000	550.805.568.000	550.805.568.000			
VI.2	Quy hoạch				9.562.149.000	5.546.254.000	420.000.000	359.166.346	359.166.346			
I	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066692	758/QĐ-UBND, ngày 22/05/2023; 2067/QĐ-UBND, ngày 10/11/2023	2.989.611.000	1.753.716.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000			

STT	Danh mục dự án	Cơ quan quản lý	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn đã nghị chi phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ đề xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, e, g)
					TMDT	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
1												
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2030 huyện Trưng Khánh	UBND huyện Trưng Khánh	8.044.784	30/1/QĐ-UBND, ngày 15/7/2023; 997/QĐ-UBND, ngày 25/4/2023	3.422.813.000	2.032.813.000	140.000.000	127.405.346	127.405.346			d
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	UBND huyện Quảng Hòa	8033793	840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023	3.149.725.000	1.759.725.000	140.000.000	91.761.000	91.761.000			d
V1.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế				90.000.000.000	90.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000			d
1	Dầu tư xây dựng công trình Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh	Ban Quản lý Khu kinh tế	7966154	07/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	90.000.000.000	90.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000			d
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				20.500.000.000	17.500.000.000	9.055.000.000	4.510.849.400	4.475.873.600			
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7993900	14/QĐ-BQLDA ngày 7/4/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	2.800.000.000	502.157.800	467.182.900			e
2	Xây mới trụ sở UBND xã Lê Chung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8003130	QĐ số 2225 ngày 22/11/2021	9.500.000.000	9.500.000.000	3.756.000.000	3.421.078.000	3.421.078.000			d
3	Xây mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thông Nhãn, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	7993859	811/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	8.000.000.000	5.000.000.000	2.500.000.000	587.613.600	587.613.600			e
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				11.333.984.000	4.255.304.000	1.189.120.000	122.905.300	122.905.300			
4	Vấn đề tăng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				11.333.984.000	4.255.304.000	1.189.120.000	122.905.300	122.905.300			
(1)	Đợt tăng thực hiện chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				2.733.984.000	2.733.984.000	931.000.000	13.289.000	13.289.000			d
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Tông thị trấn Nước Hai - Đê Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876	941/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	2.733.984.000	2.733.984.000	931.000.000	13.289.000	13.289.000			d
(2)	Đợt tăng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				8.600.000.000	1.521.320.000	258.120.000	109.616.300	109.616.300			
1	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tông thị trấn Nước Hai - Đê Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	4.000.000.000	601.320.000	58.120.000	58.120.000	58.120.000	58.120.000			d
2	Xây dựng Nhà văn hóa xã Ngọc Đông, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7999043	1943/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600.000.000	920.000.000	200.000.000	51.496.500	51.496.500			c
B	Dầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				14.369.814.224.000	306.318.077.000	234.896.804.000	233.264.339.600	233.264.339.600			
I	Các hoạt động khác tế				14.331.618.000.000	285.386.657.000	231.496.804.000	231.496.804.000	231.496.804.000			
L1	Cấp cao thông				14.331.618.000.000	285.386.657.000	231.496.804.000	231.496.804.000	231.496.804.000			
1	Dầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đường Đông (tỉnh Lạng Sơn) - Tả Lành (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)	Ban QLDA BTXD các CTGT	7868093	1199/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	14.331.618.000.000	285.386.657.000	231.496.804.000	231.496.804.000	231.496.804.000			d



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ đề xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, e, g)
				Tổng số	Trong đó: vốn NSDD	TMBT						
I	Bảo vệ môi trường			6	7	8	9	10				
II	Tài nguyên			14.480,100000	14.480,100000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000		
III	Tài nguyên			14.480,100000	14.480,100000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000		
I	Dự án Lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tờ rông phòng hộ II sang yếu sang rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Tài nguyên và Môi trường	7950540	506/QĐ-UBND ngày 31/03/2021	14.480,100000	14.480,100000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	Dự án chưa thực hiện hoàn thành phần việc cấp giấy CNQSD đất tại 3 huyện, thành phố (Hòa An, Trùng Khánh, TP Cao Bằng) theo QĐ phê duyệt	c
II	Quy hoạch			8.786,124000	2.780,000000	120,000000	81,520000	81,520000				
I	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066692	758/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023; 2067/QĐ-UBND, ngày 10/11/2023	2.989,611000	1.390,000000	40,000000	40,000000	40,000000	40,000000	Dự án được giao vốn trong tháng 8 năm 2023, dự án thực hiện điều chỉnh lại dự toán nên tháng 01/2024 mới tổ chức lựa chọn nhà thầu xong, đề xuất kéo dài vốn để thực hiện dự án hoàn thành trong năm 2024	d
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hòa An	UBND huyện Hòa An	8062298	1078/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	2.646,788000		40,000000	40,000000	1,520000	1,520000	Thôn gian thi công của dự án năm 2023-2024 hiện nay dự án đang triển khai thực hiện, do vậy chưa có khối lượng thanh toán. Điều chỉnh chưa có sản phẩm bàn giao của đơn vị tư vấn	d
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	UBND huyện Quảng Hòa		840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023	3.149,725000	1.390,000000	40,000000	40,000000	40,000000	40,000000	Vấn giao hồ sơ trong năm để chuyển tư giải đoạn chuẩn bị đầu tư sang thực hiện dự án. Nên chỉ kịp thực hiện các thủ tục đầu thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn. Chưa có khối lượng thanh toán	d
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			14.930,000000	3.671,320000	2.280,000000	686,015600	686,015600	686,015600	686,015600		
*	Vấn đề ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			14.930,000000	3.671,320000	2.280,000000	686,015600	686,015600	686,015600	686,015600		
(1)	Đổi ứng Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới			14.930,000000	3.671,320000	2.280,000000	686,015600	686,015600	686,015600	686,015600		
(2)	Huyện Hà Quảng			230,000000	230,000000	200,000000	1,400000	1,400000	1,400000	1,400000	Thanh toán quyết toán dự án hoàn thành	d
(3)	Huyện Trùng Khánh			230,000000	230,000000	200,000000	200,000000	200,000000	200,000000	200,000000		
1	Đường giao thông, nối, đồng xóm Pò Péc-Phia Mường, xã Ngọc Chai, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	7997740	1844/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.500,000000	1.000,000000	12,051000	12,051000	12,051000	12,051000	Dự án được bổ tư vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ tư vốn năm 2024. Vốn chuyển nguồn để thanh toán nũ các chi cho công tác quyết toán	c
(3)	Huyện Quảng Hòa			10.700,000000	2.840,000000	1.580,000000	184,875600	184,875600	184,875600	184,875600		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Quốc Dân cũ thành điểm trường mầm non xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	48/QĐ-BQLDA ngày 09/05/2023	4.600,000000	920,000000	100,000000	100,000000	100,000000	100,000000	Dự án gặp khó khăn trong quá trình giải phóng mặt bằng nên ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Quá trình GPMB do người dân không nhất trí vốn đơn giá đến bù theo quy định, yêu cầu phải đền bù theo giá thị trường. Chủ đầu tư đã phối hợp UBND xã hiện tại tuyên truyền vận động, đến tháng 7/2023 mới giải quyết xong công tác GPMB, tháng 8/2023 mới triển khai thi công, do vậy chưa có nhiều khối lượng thanh toán.	d
2	Nhà văn hóa xã Cốc Lình, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	1942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600,000000	920,000000	480,000000	480,000000	72,824600	72,824600	Dự án thay đổi vị trí địa điểm xây dựng do điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2025. Nền phải khảo sát, lập hồ sơ BCKTKT điều chỉnh, trình thẩm định, phê duyệt..., đến tháng 11/2023 mới khởi công xây dựng công trình, do vậy chưa có nhiều khối lượng thanh toán.	d
3	Trạm y tế xã Độc-Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	1942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600,000000	920,000000	480,000000	480,000000	300,000000	300,000000		
(4)	Huyện Hòa An			4.000,000000	601,220000	300,000000	300,000000	300,000000	300,000000	300,000000		

STT	Danh mục dự án	Chức danh trưởng vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phê duyệt giải ngân theo kế hoạch đầu tư năm 2023 sang năm 2024	Số vốn để nghị cho giao thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Chi cơ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cấp: a, b, c, d, e, f)
					TMĐT							
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP						
1	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tằng thị trấn Nước Hai - Đê Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8030176	341/QĐ-SXD ngày 10/3/2022	4.000.000.000	601.320.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	882.541.000	Do trong quá trình khảo sát, kỹ y kiến người dân trên địa bàn các xóm nhà, hộ KSTK phải điều lại HS nhiều lần, M&E khác, DA sẽ được vốn đầu tư CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	d
C	Bầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				10.000.000.000	10.000.000.000	2.794.406.000	882.541.000	882.541.000			
I	Y tế, dân số và gia đình				10.000.000.000	10.000.000.000	2.794.406.000	882.541.000	882.541.000			
1	Trường tiểu học Dân Chủ, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	7947492	341/QĐ-SXD ngày 10/3/2022	5.000.000.000	5.000.000.000	1.794.406.000	189.431.000	189.431.000	693.110.000	Do vướng mắc trong công tác GPMB, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa thực hiện được thủ tục thanh lý tài sản để có mặt bằng triển khai thi công xây dựng (Số T&E chính đã có văn bản số 1644/TT-STC ngày 29/6/2023 về việc đề nghị ban hành quyết định điều chuyển cơ sở nhà, đất của Trường mầm non Dân Chủ sang Trường tiểu học Dân Chủ quản lý, sử dụng theo phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 16/5/2023)	d
4	<i>Đời sống Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>											
1	Trạm y tế xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8030176	QĐ số 4734 ngày 08/11/2022	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	693.110.000	693.110.000		Do vướng mắc lý tài sản, GPMB, vướng thủ tục đất đai, đang trình tỉnh để xin thông báo thu hóa đất, M&E khác dự án sử dụng vốn đầu tư CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	b
(B)	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác				1.101.534.909.000	657.856.542.000	2.472.331.734.000	222.092.778.092	222.092.778.092			
A	Nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương				52.538.691.000	12.177.600.000	12.052.600.000	3.411.625.000	3.326.453.000			
1	Các hoạt động kinh tế				46.518.006.000	6.499.000.000	6.499.000.000	1.180.913.000	1.180.913.000			
1.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				46.518.006.000	6.499.000.000	6.499.000.000	1.180.913.000	1.180.913.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ bản cụm xóm Làng Mán và cụm dân cư Làng Pá, xã Địch Hành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	7815854	3032/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	46.518.006.000	6.499.200.000	6.499.000.000	1.180.913.000	1.180.913.000		Do công trình khởi công 2021 và hoàn thành năm 2023, đây là công trình về giải phóng mặt bằng để bố trí đầu tư dân cư, tuy nhiên do trong quá trình thi công, vướng nhà GPMB người dân cần trở làm chậm tiến độ đến cuối tháng 12 mới thi công xong và hoàn thiện công tác xây lắp. Hiện nay nhà thầu đang hoàn thiện các hồ sơ để chuẩn bị bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Đề nghị kéo dài để thanh toán các chi phí còn lại.	b, d
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				2.020.685.000	1.678.600.000	2.553.600.000	2.091.900.000	2.091.900.000			
4	Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia				2.020.685.000	1.678.600.000	2.553.600.000	2.091.900.000	2.091.900.000			
	<i>Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm, tổ dân phố</i>				2.020.685.000	1.678.600.000	2.553.600.000	2.091.900.000	2.091.900.000			
(1)	UBND huyện Bảo Lạc	UBND huyện Bảo Lạc					125.000.000	125.000.000	125.000.000		Do các xã chưa thực hiện giải ngân hết, nên chưa phân bổ. Mặt khác dự án sử dụng vốn đầu tư CTMTQG, mà CTMTQG lại được chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH18	d
(2)	Thành phố Cao Bằng				1.895.685.000	1.553.600.000	1.553.600.000	1.091.900.000	1.091.900.000			
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 3, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064574	3045/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	129.219.000	125.000.000	125.000.000	1.786.000	1.786.000		Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và càng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 8, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8066689	3050/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	102.619.000	100.000.000	100.000.000	0,810000	0,810000		Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và càng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 2, phường Hoà Chung, TP Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8069466	1966/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	340.892.000	332.000.000	332.000.000	332.000.000	332.000.000		Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8 năm 2023, phải thực hiện điều chỉnh BC KTKT và càng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/dơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)	
				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP						
1				3	4	5	6	7	8	9	10	11	c, d
4	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá số 5, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064573	3031/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	209.246000	168.000000	168.000000	3.024000	3.024000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
5	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá số 8, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8068571	1838/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	114.453000	100.000000	100.000000	25.680000	25.680000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 11 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
6	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá số 15, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071040	1985/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	140.632000	100.000000	100.000000	100.000000	100.000000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
7	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá số 3, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071039	1876/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	278.598000	227.600000	227.600000	227.600000	227.600000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
8	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá số 2, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071038	1879/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	219.464000	163.000000	163.000000	163.000000	163.000000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
9	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá số 1, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8071037	1833/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND TP.CB	275.263000	163.000000	163.000000	163.000000	163.000000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
10	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá số 6, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8074888	2030/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND TP.CB	83.299000	75.000000	75.000000	75.000000	75.000000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 8, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 và cùng đồng thời thực hiện 7 dự án trên địa bàn phường nên không kịp triển khai hoàn thành trong năm 2023	c, d		
(3)	Huyện Trùng Khánh			0.00			750.000000	750.000000	750.000000	Nguồn vốn được giao bổ sung cuối tháng 12, dự án được giao đủ vốn trong năm 2023 nhưng chưa hoàn nên chưa giải ngân số vốn được giao	c, d		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Páa Bô-Cò Báy, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					125.000000	125.000000	125.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Nà Mần- Bàn Piến, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Kéo Tông, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Sác, Thượng - Bùng Ó, xã Quang Trung, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Sơn Lô, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tró dân phố 2, Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					125.000000	125.000000	125.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tró dân phố 4, Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh					100.000000	100.000000	100.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
(4)	Huyện Hòa An						125.000000	125.000000	125.000000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
1	Sửa chữa nhà văn hóa xóm Khuổi Bắc, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	UBND huyện Hòa An	8063688	QP số 158 ngày 06/11/2023	125.000000	125.000000	125.000000	125.000000	125.000000	Do trong quá trình khảo sát, lập dự toán chưa sát với thực tế phải điều chỉnh lại hồ sơ. Mặt khác, DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d		
III	Giao thực, đào tạo và giải quyết khiếu nại				4.000.000000	4.000.000000	3.000.000000	138.812000	53.640000		d		

STT	Danh mục dự án	Chức năng/tư vấn/quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ đề xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (căn cứ a, b, c, d, e, g)
					TMBĐT		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023					
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP							
1	Trường THCS Minh Thuận, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình	8018063	484/QĐ-UBND huyện Nguyễn Bình ngày 22/11/2022	4.000,000000	4.000,000000	3.000,000000	138,812000	53,640000		Dự án chưa nghiệm thu báo cáo và báo cáo đang chờ thực hiện hoàn thành, quyết toán dự án hoàn thành. Dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024)	c	
B	Nguyên thủ được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh				414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000			c	
1	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000			c	
1	Trụ sở làm việc các cơ quan Đảng tỉnh Cao Bằng	Ban QLĐA, đầu tư và xây dựng tỉnh	7723351	56/QĐ-UBND ngày 22/01/2020; 1158/QĐ-UBND ngày 06/7/2020; 1070/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	414.255,598000	414.255,598000	1.369,254000	1.369,254000	1.369,254000			d	
C	Ngân sách địa phương bổ sung cho chi đầu tư phát triển năm 2023				634,744,620000	231,423,144000	234,511,880000	217,311,899092	217,311,899092				
I	Quốc phòng				5.297,000000	5.297,000000	5.297,000000	4.909,930000	4.909,930000				
I	Cần các loại biển báo: "Khu vực biển giới", "Vành đai biển giới", "Vòng cấm" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	BCH BP tỉnh CB	7004686	số 1484/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh	5.297,000000	5.297,000000	5.297,000000	4.909,930000	4.909,930000			e	
II	Các hoạt động kinh tế				227.872,000000	159,106,000000	159,106,000000	154,701,096000	154,701,096000				
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, đê mê nghiệp, thủy lợi và thủy sản				227.872,000000	159,106,000000	159,106,000000	154,701,096000	154,701,096000				
I	Đập dâng nước thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8042648	1566/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	150.000,000000	150.000,000000	150.000,000000	145.595,096000	145.595,096000			e	

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư/danh vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023, sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2030/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)
					Tổng số	TMBT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Dự án thành phần số 3 Xứ lý san lấp cấp bậc sông, suối tỉnh Cao Bằng thuộc dự án Xứ lý san lấp cấp bậc sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc	Số Nông nghiệp và PTNT	8.012.098	5137/QĐ-BNN-PCTT	77.872.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000	9.106.000.000	- Ngày 10/02/2023, chủ đầu tư nhận bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn chuẩn bị dự án từ Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2 thì dự án vẫn chưa được ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Đến ngày 13/7/2023, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quyết định số 52/NQ-HĐND. - Ngày 05/10/2023, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án được Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại văn bản số 894/QĐ-OLDD, tuy nhiên, mặt bằng công trình giải ngân chưa thiết kế bản vẽ thi công đã có một số điều chỉnh so với giải ngân dự án. Để đảm bảo đúng quy trình, hải đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Hòa An. Đến ngày 08/12/2023, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất năm 2024 tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND. - Số vốn chuyển nguồn để chi trả cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.	d
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội										
I	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trường chính trị Hoàng Đình Giông, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh	8051328	1297/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	36.742.530.000	36.742.530.000		
IV	Các công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				282.183.000.000	-	5.000.000.000	99.801.592	99.801.592		c, d
I	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8001668	182/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	282.183.000.000	59.209.980.000	23.837.504.000	15.268.988.000	15.268.988.000		b
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				59.209.980.000	23.837.504.000	21.453.880.000	15.268.988.000	15.268.988.000		
V.I	Hệ trợ, đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025				42.109.980.000	16.776.184.000	17.795.000.000	11.701.187.000	11.701.187.000		
*	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				8.300.000.000	3.345.000.000	2.545.000.000	839.482.000	839.482.000		
(1)	Huyện Bảo Lạc										
1	Công trình nước sinh hoạt Khuổi Tằng (xóm Nà Nóc), xã Các Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8043566	Số 2311/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	1.500.000.000	545.000.000	545.000.000	319.482.000	319.482.000	Do đến gần giữa năm bố trí bổ sung kế hoạch vốn theo QĐ số 1106/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng, các xã chưa lập hết dự toán nên chưa phân bổ. Mặt khác dự án sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3 Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15	d
2	Đường giao thông Bản Khương - Khuổi Pẩu, xã Hồng Trì, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8035597		4.800.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	10.000.000	10.000.000	Do đến gần giữa năm bố trí bổ sung kế hoạch vốn theo QĐ số 2537/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND huyện Bảo Lạc. Mặt khác dự án sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15	d
3	Thủy lợi Thang Bường, xã Hồng Trì, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8035223		2.000.000.000	1.800.000.000	1.000.000.000	510.000.000	510.000.000	Do đến gần giữa năm bố trí bổ sung kế hoạch vốn theo QĐ số 2537/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND huyện Bảo Lạc. Mặt khác dự án sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15	d
(2)	Huyện Hạ Lang										
1	Xây dựng chợ thị trấn Thanh Nhàn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hạ Lang	8067059	2301/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	14.900.000.000	2.602.000.000	2.319.000.000	1.727.761.000	1.727.761.000	Do đến gần giữa năm bố trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15	d

STT	Danh mục dự án	Chia đầu vốn/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (chức giải: a, b, c, d, e, g)
				TMDT							
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(3)	Huyện Trưng Khamh						3.003.000.000	3.003.000.000	3.003.000.000		
1	Nhà văn hóa xóm Bàng Kang, xã Lăng Hiếu, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					200.000.000	200.000.000	200.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
2	Nhà văn hóa Tô dân phố 5, Thị trấn Trưng Khamh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					250.000.000	250.000.000	250.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
3	Nhà văn hóa xóm Cốc Cang, Thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					250.000.000	250.000.000	250.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Nà Thầu, Thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					75.000.000	75.000.000	75.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Ban Quan, xã Phong Châu, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					129.000.000	129.000.000	129.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
6	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Pác Cong - Bãi Sieng, xã Phong Châu, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					147.000.000	147.000.000	147.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tô dân phố 6, Thị trấn Trưng Khamh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					183.000.000	183.000.000	183.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa, Tô dân phố 7, Thị trấn Trưng Khamh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					233.000.000	233.000.000	233.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
9	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tô dân phố 8, Thị trấn Trưng Khamh, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					263.800.000	263.800.000	263.800.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
10	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Đông Giỏi, xã Cao Chơong, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					147.000.000	147.000.000	147.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
11	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Pác Rao, xã Đục Hồng, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					197.200.000	197.200.000	197.200.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
12	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Đắt Chai, xã Đục Hồng, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					171.000.000	171.000.000	171.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
13	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Lăng Nhì, xã Chi Viễn, huyện Trưng Khamh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khamh					129.000.000	129.000.000	129.000.000	DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG là được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/dơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Cơ sở cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Bàn Rước, xã Chi Viễn, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					147,000,000	147,000,000		DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
15	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Bàn Khuông - Cốc Chia, xã Đoài Dương, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					165,000,000	165,000,000		DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
16	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xóm Vĩnh Quang, Thị trấn Trà Linh, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trưng Khánh					316,000,000	316,000,000		DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c, d
(4)	Huyện Thạch An				6.720,000,000	2.040,000,000	2.040,000,000	108,652,000			
1	Trạm y tế xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Thạch An	8007240	2914/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	6.720,000,000	2.040,000,000	2.040,000,000	108,652,000		Phù hợp tiến độ thi công, sang 2024 tiếp tục triển khai các khối lượng theo hợp đồng (cứ 6 tháng giải ngân 99% vốn ngân sách trung ương). Dự án sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mã CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	c
(5)	Huyện Quảng Hòa				7.645,980,000	5.789,184,000	3.138,000,000	3.138,000,000			
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Quang - Nà Lách xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876	941/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	2.733,984,000	2.733,984,000	82,800,000	82,800,000		Do Vi trí mở nguồn nước dưới chân đèo, tuy nhiên bề áp lực phải xây dựng trên đèo, nên mất nhiều thời gian để vận chuyển, tập kết vật liệu xây dựng đến tận độ thực hiện dự án. Thời gian lý hợp đồng từ 26/10/2023-24/6/2024. Theo đó, đến thời điểm hết năm vẫn chưa thanh toán được hết vốn chi phí xây lắp	d
2	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Sùng, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		215/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	278,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
3	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Phượt, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		216/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	280,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
4	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Lũng Rý, xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		217/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	195,000,000	165,000,000	165,000,000	165,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Khun, xã Bè Văn Đán, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		196/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	360,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
6	Xây mới nhà văn hóa xóm Khuổi Rung, xã Bè Văn Đán, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		195/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	360,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
7	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố Phía Khương, thị trấn Trà Lũng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		305/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	550,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
8	Xây mới nhà văn hóa xóm Hắt Pải, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		175/QĐ-UBND ngày 23/12/2023	530,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c
9	Xây mới nhà văn hóa xóm Hồng Định VI, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		178/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	320,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000		Dự án được bố trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bố trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khối lượng hoàn thành thanh toán	c

STT	Danh mục dự án	Chức danh trưởng ban quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Cơ sở để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)
					TMĐT						
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	Xây mới nhà văn hóa xóm Phúc Dưng, xã Phú Hải, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	420,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	c
11	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố 1, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		178/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	550,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	e
12	Xây mới nhà văn hóa tổ dân phố 9, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		180/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	550,000000	250,000000	250,000000	250,000000	250,000000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	e
13	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố 3, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		179/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	125,000000	125,000000	125,000000	125,000000	125,000000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	e
14	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Bó Tàng, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		176/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	129,000000	129,000000	129,000000	129,000000	129,000000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	c
15	Sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Đông Ai, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa		233/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	264,996600	136,200000	136,200000	136,200000	136,200000	Dự án được bổ trí vốn để hoàn thành trong năm, không được bổ trí vốn năm 2024. Vốn giao bổ sung nên chưa có khởi công hoàn thành thanh toán	c
(6)	Huyện Hà Quảng						1.750,000000	288,353000	288,353000		
1	Nhà văn hóa xóm Phú Khao, xã Yên Sơn	UBND huyện Hà Quảng		8067254			250,000000	8.208000	8.208000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15	d
2	Nhà văn hóa xóm Phường Phan, xã Cầu Ngang	UBND huyện Hà Quảng		8066585			250,000000	10.855000	10.855000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH16	d
3	Nhà văn hóa xóm Trại, xã Mã Ba	UBND huyện Hà Quảng		8069842			250,000000	1.479000	1.479000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH17	d
4	Nhà văn hóa xóm Sơn Hà, xã Đa Thông	UBND huyện Hà Quảng		8067841			250,000000	8.069000	8.069000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18	d
5	Nhà văn hóa xóm Thượng Sơn, xã Thượng Thôn	UBND huyện Hà Quảng		8070066			250,000000	1.476000	1.476000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH19	d
6	Nhà văn hóa xóm Nà Lùng, xã Cầu Yên	UBND huyện Hà Quảng		8068048			250,000000	250,000000	250,000000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH20	d
7	Nhà văn hóa xóm Thanh Sơn, xã Thanh Lương	UBND huyện Hà Quảng		8068582			250,000000	8.266000	8.266000	Do đến gần giữa năm bổ trí bổ sung kế hoạch vốn. Mặt khác dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH21	d
(7)	Trương PTĐT nội trú Hoà An	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh		8023530	465/QĐ-XSD ngày 15/3/2023	3.000,000000	3.000,000000	2.595,939000	2.595,939000	Dự án đã đang tại HSMT gọi thầu thi công xây lắp vào tháng 7/2023. Tuy nhiên, trong quá trình lựa chọn nhà thầu do không có nhà thầu nào đáp ứng được các tiêu chí theo HSMT nên phải tổ chức đấu thầu lại nhiều lần (03 lần) và đến tháng 12/2023 mới lựa chọn xong nhà thầu, xây lắp, ký kết hợp đồng và tiến hành triển khai thi công xây dựng công trình. Do đó đến thời điểm 31/12/2023 chưa có khởi công xây dựng công trình. Vì vậy không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao năm 2023.	d
**	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				17.100,000000	7.061,320000	3.658,880000	3.567,801000	3.567,801000	Mặt khác, dự án sử dụng vốn NSDP đối ứng thực hiện CNTTQG, an CNTTQG, lai được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó, cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình.	
(1)	Huyện Quảng Hòa				8.300,000000	1.660,000000	1.660,000000	945,921000	945,921000		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2023 sang năm 2024	Lý do để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Sân thể thao xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8015438	1946/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.700.000.000	740.000.000	597.000.000	583.205.000	583.205.000	Do vướng mắc về mặt bằng thi công xây dựng, Thiếu nguồn vật liệu xây dựng thông thường (đất đắp), Tiền địa bàn không có mặt đất đắp, chủ đầu tư và UBND xã phải đi khảo sát nhiều vị trí, lượng lương với các hộ dân có nhu cầu cải tạo mặt bằng đất xây, đã tận dụng nguồn đất đai đưa về đắp nền cho công trình, do vậy công làm chậm tiến độ triển khai dự án.	d
2	Trạm y tế xã Đắc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8006182	1942/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.600.000.000	920.000.000	440.000.000	362.716.000	362.716.000	Dự án thay đổi vị trí địa điểm xây dựng do điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2022-2025. Nền nhà khảo sát, lập hồ sơ BCKTKT điều chỉnh, trình thẩm định, phê duyệt..., đến tháng 11/2023 mới khởi công xây dựng công trình, do vậy chưa có nhiều khối lượng thanh toán.	d
(2)	Huyện Hòa An				8.800.000.000	5.401.320.000	2.621.880.000	2.621.880.000	2.621.880.000		
1	Trường Tiểu học Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7985998	QĐ số 3468 ngày 26/8/2022	4.800.000.000	4.800.000.000	960.000.000	960.000.000	960.000.000	Do vướng thanh lý tài sản, Mặt khác, DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	d
2	Cấp nước sạch tập trung xóm Nà Tông thị trấn Nước Hai - Đê Đông, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		QĐ số 3428 ngày 30/10/2023	4.000.000.000	601.320.000	615.706.000	615.706.000	615.706.000	Do trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến người dân trên địa bàn các xóm nên khi KSKT phải điều chỉnh hồ sơ nhiều lần. Mặt khác, DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	d
3	Cải tạo chợ trung tâm huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		Chưa có Quyết định phê duyệt			846.174.000	846.174.000	846.174.000	Đang lập hồ sơ thiết kế dự toán, chưa xác định mô đất, đắp nền chưa phê duyệt, do	d
4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An		Chưa có Quyết định phê duyệt			200.000.000	200.000.000	200.000.000	Dự án chuẩn bị đầu tư, đang thời để đợi huyện nâng tầm mới thì phải có quy hoạch xây dựng vùng Mặt khác, DA sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH18. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình	d
VI	Xử lý công nợ phải trả đối với các dự án đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành				182.640.000	182.640.000	655.000.000	589.553.500	589.553.500		
1	Đường Tam Kim - Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	7160283				24.230.000	24.230.000	24.230.000	Dự án được cấp vốn trong năm 2023 để xử lý công nợ phải trả đối với các dự án đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Dự án không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024)	c
2	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa Tổ dân phố 4, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	8063004		182.640.000	182.640.000	171.459.000	171.459.000	171.459.000	Dự án đã được cấp đủ vốn trong năm 2023; Dự án không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024)	c
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hàng Châu - Nhà máy thủy điện Nà Lúa, tỉnh Cao Bằng	Công ty cổ phần thủy điện - huyện Kim Cao Bằng	7313124				448.130.000	393.864.500	393.864.500	Công ty đã phải hợp với Kho bạc Nhà nước, các nhà thầu để làm các thủ tục liên quan nhằm chỉ trả các khoản nợ phải trả cho các đơn vị. Tuy nhiên do một số yêu tố khách quan nên chưa hoàn thiện gói ngân dùng thời gian như quy định	d
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				22.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đàng Át, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8055331	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023	22.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	Dự án triển khai do vướng quy hoạch chung của xã phê duyệt chậm nên không thực hiện được các thủ tục quy hoạch đối với khu dân cư.	b



**DANH MỤC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO CẤP HUYỆN BỔ TRỢ**

(Kèm theo Báo cáo số 479/BC-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Dự án	Chủ đầu tư/quản lý	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để viết theo quy định tại Khoản 1, Điều 46, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, e, g)
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP					
I	<b>TỔNG SỐ</b>			6	7	8	9	10	11	12	
I	<b>Nguồn tái lập vốn</b>			512,424,000	250,000,000	250,000,000	249,846,543	0,153,457	0,153,457		
I	<b>Hệ thống cấp nước đô thị</b>			542,424,000	250,000,000	250,000,000	249,846,543	0,153,457	0,153,457		
1	Xây dựng một nhà văn hóa số 6, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	8064572		250,000,000	250,000,000	249,846,543	0,153,457	0,153,457		
(TD)	<b>UBND huyện, Quảng Hòa</b>			62,116,920,000	53,398,984,000	37,400,333,000	13,832,765,400	21,367,567,600	23,958,467,618		
I	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			28,133,984,000	19,443,984,000	11,169,330,000	8,435,853,400	2,733,479,600	2,324,379,618		
1	Xây dựng biểu tượng, vườn hoa Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7924660		11,800,000,000	6,963,578,000	6,475,829,900	489,749,100	88,212,000		
2	Xây dựng biểu tượng, vườn hoa Quảng Uyên giai đoạn 2, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8040988		2,800,000,000	2,054,538,618	1,136,088,000	918,450,618	918,450,618		
*	<b>Đổi ứng lực hiện chương trình MTQC phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>										
1	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nà Quàng - Nà Lêch, xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8030876		2,733,984,000	890,000,000	890,000,000	890,000,000	890,000,000		
2	Cải tạo chợ Cai Bả, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8025940		800,000,000	799,216,382	783,238,500	15,687,882	8,125,000		
*	<b>Đổi ứng lực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>										
1	Xây dựng nhà văn hóa xã Ngọc Đồng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	7999043		4,600,000,000	230,000,000	230,000,000	230,000,000	230,000,000		
2	Xây dựng nhà văn hóa xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8007262		5,400,000,000	1,080,000,000	40,000,000	189,592,000	189,592,000		
II	<b>Tăng thu ngân sách địa phương</b>			492,936,000	375,000,000	375,000,000	375,000,000	375,000,000	375,000,000		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm, tổ dân phố Hòa Nam - Hòa Trung, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051547		192,936,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000		
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm Đâu Cầu 2, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8053792		130,000,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000		
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm Bàn Lãng, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051788		130,000,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000	125,000,000		
III	<b>Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác</b>			33,490,000,000	33,490,000,000	25,856,000,000	4,596,912,000	21,259,088,000	21,259,088,000		
1	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051547		11,700,000,000	11,700,000,000	3,509,527,000	8,190,473,000	8,190,473,000		
2	Hệ thống dẫn chiếu sáng đường nội thị huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8053792		1,500,000,000	1,500,000,000	474,315,000	1,025,685,000	1,025,685,000		
3	Đường vào Tiểu đội dân quân thường trực thị trấn Trà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Quảng Hòa	8051788		1,500,000,000	1,500,000,000	405,785,000	1,094,215,000	1,094,215,000		

STT	Danh mục dự án	Chức danh trưởng vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Chi cơ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 8, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cột 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10)
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP							
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước												
1	Chi tạo vốn M&A, chi trả Nợ/Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An											d
1	Chi tạo vốn M&A, chi trả Nợ/Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An											d
II	Bên tư có nghĩa vụ trả nợ												
(I)	Bên tư có nghĩa vụ trả nợ (Huyện trả)												
1	Đóng góp bằng tiền xã: Văn Thủy (Xã Nam Thuận), H&T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7986333										d
2	Trưởng Tiểu học Nam Thuận, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7985998										d
3	Chi nước sạch tập trung xã: Văn Thủy (Xã Nam Thuận), H&T, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An											d
(2)	CTMTCQ nhất triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (huyện trả)												
1	Bên tư có nghĩa vụ trả nợ: Cao Sơn, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8026931										d
2	Chi trả Nợ/Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8059861										d
3	Số gói thầu: Trường mầm non Quang Trung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8058821										d
4	Những cấp Di tích lịch sử Nguyễn舜, xã Hoàng Tùng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	8065949										d
5	Dầu tu sửa đường, chi trả Nợ/Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hòa An	7971833										b

STT	Đanh mục dự án	Chỉ đạo/trợ/đảm v quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do để nuclei kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, 40/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh a, b, c, d, đ, e, g)
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMĐT						
J	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
III	Nguồn vốn sắp xếp lại, xử lý dự án đầu tư việc theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP năm 2023						10.581.480.000	1.033.294.439				
I	Vốn đầu tư trong các dự án NSDP theo tiến chí						7.829.880.000	331.149.769	9.000.000.000			
a)	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7951532	QĐ số 3297/QĐ- UBND ngày 10/8/2022	10.174.799.000	10.174.799.000	2.999.880.000	76.407.469	9.000.000.000			
b)	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7951532	QĐ số 3297/QĐ- UBND ngày 10/8/2022	10.174.799.000	10.174.799.000	2.999.880.000	76.407.469	9.000.000.000			
1	Đầu tư xây dựng Chương trình MT-QC giải đóng 2021-2025	UBND huyện Hà Quảng	8026653				330.000.000	81.462.000				
2	Đầu tư xây dựng Chương trình MT-QC giải đóng 2021-2025	UBND huyện Hà Quảng	8026653				230.000.000	16.526.000				
3	Đầu tư xây dựng Chương trình MT-QC giải đóng 2021-2025	UBND huyện Hà Quảng	8026653				100.000.000	64.936.000				
c)	Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8062012				4.506.000.000	4.326.719.700	173.280.300			
1	Bà nước sinh hoạt các xóm Tênh Cú Lùn, xã Quý Quản, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7986030				1.000.000.000	964.031.000	35.969.000			
2	Nhiệm vụ sinh hoạt các xóm Hồng Việt, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	7989546				1.000.000.000	896.804.700	103.195.300			
3	Mở rộng Thủy lợi Xóm Nà Tô, Xóm Cốc Vương, Xã Sỏi Hà	UBND huyện Hà Quảng	7985186				1.000.000.000	975.106.000	24.894.000			
4	Đường GTNT Lũng Đầy, xóm Phú Vắng, xã Đa Thắng, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	8019195				500.000.000	496.256.000	3.074.000			
5	Đường GTNT Lũng Xông - Lũng Lông, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	7992247				1.000.000.000	993.852.000	6.148.000			
II	Nguồn vốn thu sử dụng đất (Thu tại huyện) HỒ trụ xã mang làm đường GTNT (số)						752.000.000	379.258.430	372.641.570			
1	Thị trấn Xuân Hòa	UBND huyện Hà Quảng	8067854				50.000.000	50.000.000	50.000.000			
2	Xã Đa Thắng	UBND huyện Hà Quảng	8068580				100.000.000	99.057.131	0.942.869			
4	Xã Cấn Yên	UBND huyện Hà Quảng	8069643				30.000.000		30.000.000			
5	Xã Cấn Nặng	UBND huyện Hà Quảng	8069463				70.000.000		70.000.000			
6	Xã Thanh Long	UBND huyện Hà Quảng	8068579				30.000.000	29.940.299	0,059701			
7	Xã Ngọc Đông	UBND huyện Hà Quảng	8068583				52.000.000	51,896.000	0,104000			
9	Xã Sỏi Hà	UBND huyện Hà Quảng	8067258				100.000.000	99,000.000	1,000.000			
10	UBND xã Quý Quán	UBND huyện Hà Quảng	8073862				30.000.000	30,000.000	0,000.000			
13	Xã Tằng Cọt	UBND huyện Hà Quảng	8067257				100.000.000	99,465.000	0,535.000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định: nghị, thông, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kế quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Cơ sở để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cấp: a, b, c, d, đ, e, g)
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP						
1	Xã Hồng Sý	UBND huyện Hà Quảng	8069907			100,000000	100,000000	-	100,000000	Dự án được bố trí đã vốn năm 2023 và dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Tuy nhiên, kế hoạch giao vốn vào tháng 8 năm 2023 nên chưa kịp thực hiện	d	
15	Xã Mã Ba	UBND huyện Hà Quảng	8068581			90,000000	90,000000	-	90,000000	Dự án được bố trí đã vốn năm 2023 và dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Tuy nhiên, kế hoạch giao vốn vào tháng 8 năm 2023 nên chưa kịp thực hiện	d	
III	Nguồn vốn tài trợ					2.000,000000	1.670,497000	329,503000	329,503000			
1	Trường Phổ thông dân lập bán trú và THCS Yên Sơn, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Quảng	8069299			2.000,000000	1.670,497000	329,503000	329,503000	Do nhà tài trợ không báo vốn trước, đơn vị mới tiến hành được việc thực hiện các thủ tục đầu tư, giải ngân mặt bằng và thi công chưa đạt khối lượng cần số hình phí chuyển sang năm 2024 để thanh toán tiếp	d	
(IV)	UBND huyện Trảng Khánh					31.526.272000	29.797.681000	1.817.5681000	5.697.712000			
I	Vốn đầu tư trong các dự án NSDP theo tiêu chí, định mức					120.000,000000	120.000,000000	5.809,000000	1.984,130000	3.824,870000	3.824,870000	
1	Nhà văn hóa Trung tâm thị trấn Trại Lành, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trảng Khánh				9.000,000000	9.000,000000	500,000000	500,000000	Đang vướng mặt bằng để thực hiện dự án, dự án chuẩn bị đầu tư năm 2023	d	
2	Đường nội thị T0 2 - t0 3, thị trấn Trảng Khánh, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trảng Khánh	7913885	26/11/QĐ-UBND, 06/08/2021	10.000,000000	10.000,000000	5.309,000000	1.984,130000	3.324,870000	Đang vướng mặt bằng để thực hiện dự án (cơ sở 02 hồ sơ đầu tư chưa chấp nhận tiến độ thi) Dự án không được bố trí vốn năm 2024	e	
II	Nguồn thu về đầu đất					3.238.272000	1.467,681000	1.467,681000	1.002,111000			
*	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã											
1	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Xuân Hòa, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh		163/QĐ-UBND, ngày 22/9/2023	135,000000	84,150000	84,150000	-	84,150000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
2	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Phong Châu, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh		83/QĐ-UBND, ngày 19/9/2023	241,666000	101,666000	101,666000	-	101,666000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
3	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã các xóm, xã Ngọc Cồn năm 2023, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trảng Khánh	8.064.579	125/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023	495,035000	240,000000	240,000000	82,769000	157,231000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
4	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Đình Phong, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh		954/QĐ-UBND, ngày 15/8/2023	162,000000	76,000000	76,000000	-	76,000000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
5	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Đình Thủy, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh		177/QĐ-UBND, ngày 19/9/2023	238,830000	109,199000	109,199000	-	109,199000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
6	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Chi Viên, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh	8.064.568	1394/QĐ-UBND, ngày 15/8/2023	325,000000	130,000000	130,000000	-	130,000000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
7	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Trì Phương, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh		152/QĐ-UBND, ngày 16/8/2023	471,969000	240,000000	240,000000	-	240,000000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
8	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã các xóm, xã Trảng Phúc, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trảng Khánh	8.067.529	139/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023	282,025000	102,160000	102,160000	75,420000	26,740000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
9	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Đaội Dường, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh	8.068.570	117/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023	545,880000	240,000000	240,000000	181,438000	58,562000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
10	Hệ trợ xã mang lại đồng lợi ích xã Cao Thàng, huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng năm 2023	UBND huyện Trảng Khánh	8.068.574	906/QĐ-UBND, ngày 21/9/2023	340,907000	144,566000	144,566000	125,943000	18,623000	Tiếp tục thực hiện và thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định	e	
III	Nguồn thu thu, để kế hoạch chi					9.230,000000	9.230,000000	3.800,000000	2.929,269000	870,731000	870,731000	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trảng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trảng Khánh	8.020.227		5.000,000000	5.000,000000	2.000,000000	1.308,164000	691,836000	691,836000	Dự án sử dụng nguồn thu thu	d

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/danh vị quản lý vốn	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Căn cứ đề xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, e, g)
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
					Tăng số	Trong đó: vốn NSDP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Cải tạo, nâng cấp đường Báp, xóm Long Giang, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	8.023.529		800,000,000	800,000,000	781,478,000	18,522,000	18,522,000	Thanh toán chi phí kiểm toán và thẩm tra	c, d	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Nà Thàn, xóm Cỏ Lạ, xã Đê-Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	8.023.528		850,000,000	850,000,000	830,707,000	19,293,000	19,293,000	Thanh toán chi phí kiểm toán và thẩm tra	c, d	
4	Cải tạo đường Phố Phai, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh		3607/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.500,000,000	2.500,000,000	-	100,000,000	100,000,000	Dự án sử dụng nguồn tăng thu	d	
5	Cải tạo, nâng cấp Nhà để xe đường THPT Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	8.067.531		180,000,000	180,000,000	8,920,000	41,080,000	41,080,000	Dự án sử dụng nguồn tăng thu	d	
(VI)	UBND huyện Hà Lang				29.460,000,000	16.060,000,000	1.770,925,732	6.017,074,268	6.017,074,268			
I	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tiếp trong nước				29.400,000,000	16.000,000,000	1.710,925,732	6.017,074,268	6.017,074,268			
1	Xây dựng các hạng mục phụ trợ: tu bổ, phục hồi di tích Đền thờ Tô Thị Hoàn, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			6.500,000,000	6.500,000,000	-	1.542,000,000	1.542,000,000	Là công trình Công cộng văn hóa lịch sử nên thời gian thẩm định kéo dài nên kéo dài thời gian thực hiện.	d	
2	Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Kim Loan, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8048452		800,000,000	800,000,000	699,130,000	100,870,000	100,870,000	Thị công trình vào mùa vụ đang cạnh tranh khá khấm về mặt bằng thi công và tiếp kết vật liệu.	c	
3	Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Đê Quang, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8048453		800,000,000	800,000,000	723,513,732	76,486,268	76,486,268	Thị công trình vào mùa vụ đang cạnh tranh khá khấm về mặt bằng thi công và tiếp kết vật liệu.	c	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xóm Nà Ân - Thị trấn Thành Nhật, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8052722		300,000,000	300,000,000	288,282,000	11,718,000	11,718,000	Do điều chỉnh kế hoạch vốn, bố trí kế hoạch vốn vào giữa năm.	c	
5	Xây dựng công trình di tích nổi danh lập chỉ bộ sưu tập của Đảng bộ huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			4.500,000,000	4.500,000,000	-	2.786,000,000	2.786,000,000	Do điều chỉnh kế hoạch vốn, bố trí kế hoạch vốn vào giữa năm.	d	
6	Cấp điện ánh sáng xóm Khum Đin, xã Vĩnh Quý, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			2.400,000,000	2.400,000,000	-	800,000,000	800,000,000	Do điều chỉnh kế hoạch vốn, bố trí kế hoạch vốn vào giữa năm.	d	
7	Bảo dưỡng, sửa chữa phần đường Bản Khơng, xã Lý Quý, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang			540,000,000	540,000,000	-	540,000,000	540,000,000	Do điều chỉnh kế hoạch vốn, bố trí kế hoạch vốn vào giữa năm.	c	
*	Đổi tăng thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững				13.560,000,000	160,000,000	-	160,000,000	160,000,000			
I	Đường giao thông liên xã Quang Long - xã Thông Nhật, huyện Hà Lang	UBND huyện Hà Lang	7993847		7.500,000,000	100,000,000	-	100,000,000	100,000,000	Thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số: 104/2023/QH15. Dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024).	c	
2	Trương mành non xã An Lạc, huyện Hà Lang	UBND huyện Hà Lang	7994737		6.060,000,000	60,000,000	-	60,000,000	60,000,000	Do vướng mắc một bằng kéo dài dẫn đến chậm thời gian triển khai thi công. Mặt khác, dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn chương trình mục tiêu quốc gia theo diện theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số: 104/2023/QH15. Dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024).	c	
II	Nguồn tăng thu, tiếp kiệm chi				60,000,000	60,000,000	-	60,000,000	60,000,000			
I	Hỗ trợ xã năng lực đường GTNT năm 2023 xã Thông Nhật, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Hà Lang	8.075.213		60,000,000	60,000,000	-	60,000,000	60,000,000	Do đến gần giữa năm bố trí bổ sung kế hoạch nguồn tăng thu sử dụng của huyện. Dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024).	c, d	
(VII)	UBND huyện Nguyên Bình				1.973,000,000	1.875,000,000	5.500,000	144,500,000	144,500,000			
I	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tiếp trong nước				1.973,000,000	1.875,000,000	5.500,000	144,500,000	144,500,000			
1	Mương thoát lũ kết nối với đường nội đồng xóm Giang Sơn, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	8041050		1.875,000,000	1.875,000,000	5,500,000	144,500,000	144,500,000	Do bám hiện tại liên tục tiến độ thi công chậm, không có hình tương giải ngân. Mặt khác, dự án sẽ dùng vốn để ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3, Điều 2, Nghị quyết số 104/2023/QH15. Do đó cần chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện chương trình.	d	
(VIII)	UBND huyện Bảo Lâm				14.074,440,000	14.642,000,000	3.900,712,000	1.912,699,000	1.912,699,000			
I	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tiếp trong nước				324,400,000	292,000,000	289,839,000	2,161,000	2,161,000			
1	Mương thủy lợi Khuê Trung, Bản Mỏ, xã Mông An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	7983362		324,400,000	292,000,000	289,839,000	2,161,000	2,161,000	Dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12 năm 2023, hiện nay đang trong thời gian thực hiện quyết toán dự án hoàn thành. Dự án không được bố trí vốn kế hoạch năm sau (năm 2024). Lý do chuyển nguồn là do quyết toán dự án hoàn thành.	c	

STT	Danh mục dự án	Chức danh người quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư						Kết hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn đã giải ngân theo dự toán và kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do để xuất kho tài trợ giảm thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Cơ sở để xuất kho dự định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (nếu có: a, b, c, d, đ, e, g)		
					TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	8	9							10	11
					1	2												
II	Ngân NSDP bổ sung cho chi đầu tư phát triển				13.350,000000	13.350,000000	4.421,411000	2.533,902000	1.887,509000	1.887,509000								
1	Đường GTVT Khu Phố - Na Kông, xóm Na Bông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8045610	1109/QĐ-UBND, 25/07/2023	2.950,000000	2.950,000000	1.500,000000	968,895000	531,105000	531,105000					d			
2	Đường GTVT Các Sơn - Lạng Vài, xóm Nham Nét, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8045613	1108/QĐ-UBND, 25/07/2023	2.980,000000	2.980,000000	1.500,000000	998,120000	541,880000	541,880000					d			
3	Sửa chữa cấp điện thủy lợi và mao vét lòng suối Khu 1, thị trấn Pác Mát, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm		Số 91/QĐ-UBND ngày 29/06/2023	3.600,000000	3.600,000000	700,000000		700,000000	700,000000					d			
4	Cải tạo, nâng cấp phòng tiếp khách huyện và phòng làm việc Thường trực Huyện ủy, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8096389	Số 1114/QĐ-UBND ngày 23/07/2023	920,000000	920,000000	531,411000	433,048000	98,363000	98,363000					d			
5	Cải tạo, nâng cấp đường khu 3 vào xóm Khe Kại, thị trấn Pác Mát, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	8046178	1109/QĐ-UBND, 23/07/2023	2.900,000000	2.900,000000	190,000000	173,839000	16,161000	16,161000					d			
III	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác				1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	976,971000	23,029000	23,029000								
III.1	Ngân sự nghiệp khác để chi chính bổ sung chi đầu tư phát triển				1.000,000000	1.000,000000	1.000,000000	976,971000	23,029000	23,029000								
(IX)	UBND huyện Thạch An				11.321,000000	7.656,000000	4.261,928000	2.666,817593	1.395,120411	1.395,120411								
I	Chi xây dựng cơ bản vốn cấp trung trong nước				11.321,000000	7.656,000000	4.036,000000	2.590,177593	1.315,822411	1.315,822411								
1	Xây dựng mới tư sở làm việc xã Kim Đăng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - Giai đoạn 1	UBND huyện Thạch An	7062589	2233/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	7.200,000000	5.000,000000	2.500,000000	1.134,581000	1.365,419000	1.365,419000					e			
2	Đường nội đồng Pò Khe - Pheá Dêi	UBND huyện Thạch An	8100,989	1279/QĐ-UBND ngày 13/06/2023	2.130,000000	345,000000	345,000000	200,000000	145,000000	145,000000					e			
II	Vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác				600,000000	600,000000	225,938000	146,640000	79,298000	79,298000					e			
1	Chi tạo vốn chữa trị bệnh sởi tại Trung Na Khe, xã Văn Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Thạch An	8007195	1949/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	600,000000	600,000000	225,938000	146,640000	79,298000	79,298000					e			
(X)	UBND huyện Bảo Lãng				861,500000	410,000000	610,000000	1.390,401000	629,599000	629,599000								
I	Chi xây dựng cơ bản vốn cấp trung trong nước				861,500000	410,000000	610,000000	1.390,401000	629,599000	629,599000								



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý vốn	Mã dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023	Kết quả giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 (tính đến ngày 31/01/2024)	Số vốn kế hoạch năm 2023 không giải ngân đến hết ngày 31/01/2024	Số vốn để nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Lý do để xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024	Cơ sở để xuất theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP (cách ghi: a, b, c, d, đ, e, g)
					Tổng số	Trong đó: vốn NSDP						
I												
1	Dương bê tông Lũng Cầm - Lũng Hồ, xã Huy Châu, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8037293		861.500000	410.000000	610.000000	410.000000	200.000000	200.000000	Do thực hiện các thủ tục đầu tư và khối lượng công việc chưa hoàn thành. Mọi chi phí dự án sử dụng vốn đối ứng CTMTQG, mà CTMTQG lại được chuyển nguồn theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 104/2023/QH12	13
II												
1	Trưởng PTĐT bản trú, THCS Các Pàng, xã Các Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lạc	8063686				2.000.000000	1.570.001000	429.599000	429.599000	Do nhà tài trợ không bảo vốn vào tháng 11 năm 2023, đơn vị mới tiến hành được việc thực hiện các thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và thi công chưa đạt khối lượng tiến độ kinh phí chuyển sang năm 2024 để thanh toán tiếp.	d

UBND TỈNH CAO BẰNG  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 4/HK /BTH-SKHDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 01 tháng 3 năm 2024

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024** nguồn ngân sách địa phương

Thực hiện theo trình tự, thủ tục soạn thảo và ban hành văn bản Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã gửi dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Đến hết ngày 01/3/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 17 ý kiến góp ý của các đơn vị (bao gồm: 07/17 đơn vị có ý kiến đóng góp và 10/17 đơn vị nhất trí với dự thảo Nghị quyết). Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và giải trình ý kiến tiếp thu như sau:

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
1	Sở Tài chính	547/STC-TCĐT, 01/3/2024	Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính có một số ý kiến như sau: 1. Về kế hoạch vốn bố trí năm 2023 và lũy kế thanh toán giải ngân kế hoạch vốn năm 2023: Qua đối chiếu số liệu với báo cáo thanh toán của Kho bạc Nhà nước Cao Bằng, Sở Tài chính cơ bản nhất trí với kế hoạch vốn giao và lũy kế vốn kế hoạch năm 2023 thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 31/01/2024 của danh mục các dự án tại dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét lại số liệu của một số dự án sau: - Dự án Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh theo số liệu dự thảo Nghị quyết kế hoạch vốn là 979,894 triệu đồng và lũy kế thanh toán là 973,592 triệu đồng; theo số liệu Sở Tài chính	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý	

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
			<p>theo dõi thi kế hoạch vốn và lũy kế thanh toán của dự án trên tương ứng là 879,894 triệu đồng và 873,592 triệu đồng.</p> <p>- Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Kéo Yên (cũ) làm nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng theo số liệu dự thảo Nghị quyết kế hoạch vốn là 981,858 triệu đồng và lũy kế thanh toán là 973,679 triệu đồng; theo số liệu Sở Tài chính theo dõi thi kế hoạch vốn và lũy kế thanh toán của dự án trên tương ứng là 881,858 triệu đồng và 873,679 triệu đồng.</p> <p>2. Kế hoạch vốn năm 2023 đề nghị kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024.</p> <p>Qua theo dõi số liệu thanh toán giải ngân của kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023, Sở Tài chính nhận thấy có một số dự án được chuyển nguồn sang năm 2023 nhưng không thực hiện thanh toán giải ngân (như các dự án: Xứ lý rác thải ở nhiệm nghiêm trọng và xây dựng bãi rác mới tại xóm Nà Bao, xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Nhà văn hóa xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; ...). Hiện tại chưa có quy định về việc cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn chuyển nguồn. Do vậy, để tăng tỷ lệ giải ngân của kế hoạch vốn chuyển nguồn, tránh trường hợp chuyển nguồn nhưng hết nhiệm vụ chi, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp với các Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>- Đáp ứng các điều kiện được phép kéo dài thời gian thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành. Lưu ý: đối với trường hợp tại điểm d Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định “<i>Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép</i>” đề nghị ghi rõ nguyên nhân khách quan</p>		

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
			<p>và chỉ rõ các biện pháp đã khắc phục.</p> <p>- Có khả năng thực hiện và còn nhiệm vụ chi.</p>		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	2527/MTTQ-BTT, 01/3/2024	<p>Nhất trí như dự thảo</p>		
3	Sở Khoa học và Công nghệ	240/SKHCHN-VP, 01/3/2024	<p>Đề nghị bổ sung vào danh mục và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn NSDP đối với Dự án Xây dựng hạ tầng triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cao Bằng là <b>6,233 triệu đồng (cụ thể tại Báo cáo số 193/BCKSKHCN ngày 19/02/2024 của Sở KH&amp;CN)</b></p> <p>Đề nghị bổ sung vào Danh mục dự án và kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn vốn NSDP đối với dự án như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh.</li> <li>- Số vốn năm 2023 đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là: 1.000.000.000, đồng (<i>Bảng chữ: Một tỷ đồng chẵn</i>).</li> <li>- Điều khoản áp dụng: theo điểm đ Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.</li> </ul> <p>- Nguyên nhân: Năm 2023 dự án chưa được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, thu tục trải qua nhiều cấp quản lý, kiểm tra, thẩm định (vương rừng tự nhiên) phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chấp thuận nên cần rất nhiều thời gian.</p> <p>Kê hoạch hoàn thành phê duyệt dự án: Đầu năm 2024 UBND tỉnh Cao Bằng đã trình Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn tại Tờ trình số 258/TTUBND ngày 06/02/2024 về việc đề nghị thẩm định, trình Thủ tướng</p>	<p>Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>	
4	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	287/BQLKK T-KHTH, 01/3/2024		<p>Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>	

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
5	Sở Thông tin và Truyền thông	305/STTTT-VP, 01/3/2024	<p>Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Chu Trinh. Hiện nay Cục Kiểm lâm - Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn đang thụ lý hồ sơ và xin ý kiến các bộ, ngành liên quan để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, dự kiến đến đầu tháng 5/2024 hoàn thành phê chuẩn chuyển đổi mục đích sử dụng rừng của dự án, theo đó đảm bảo đủ thành phần hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) để trình Bộ Tài nguyên và môi trường thẩm định và phê duyệt trong tháng 7/2024. Sau đó thực hiện hoàn thành công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trong tháng 8/2024.</p> <p><i>(Nội dung đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đã được Ban Quản lý khu kinh tế báo cáo tại Báo cáo số 194/BC-BQLKKT ngày 07/02/2024).</i></p>		
			<p>Đề nghị xem xét, bổ sung vào danh mục dự án và kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương cho 02 dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư, cụ thể:</p> <p>(1) Dự án: Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành: 234,299 triệu đồng để thực hiện và giải ngân các nhiệm vụ: Kiểm toán độc lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán, giám sát công tác triển khai (do cuối năm 2023 chưa kịp hoàn thành các thủ tục với nhà thầu).</p> <p>(2) Dự án: Đầu tư xây dựng hệ thống nền cơ sở dữ liệu chuyên ngành: 407,199 triệu đồng để thực hiện và giải ngân các nhiệm vụ: Kiểm toán độc lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán, giám sát công tác triển khai (do cuối năm 2023 chưa kịp hoàn thành các thủ tục với nhà thầu).</p> <p><b>Lý do:</b> (1) 02 dự án nêu trên có thời gian triển khai thực hiện từ năm 2021-2023. Trong năm 2022, Chủ đầu tư đã xác định khối lượng công việc được sắp xếp</p>	<p>Không tiếp thu vì số vốn của 02 dự án này là vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023. Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, số vốn năm kế hoạch chỉ được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân hết 31/12 năm sau</p>	

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
			<p>phù hợp với tiến độ thực hiện dự án tương ứng với số vốn được giao đầu năm và không có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh vốn tăng thêm I tại lần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng (lần 2). Tuy nhiên trong năm 2022, số vốn giao (bao gồm cả vốn được giao điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng (lần 2)) đã được cấp đủ cho cả giai đoạn thực hiện dự án (2021-2023), vì vậy một số nhiệm vụ/hạng mục thuộc các dự án nêu trên chưa thể thực hiện và giải ngân trong năm 2022 được kéo dài sang năm 2023.</p> <p>(2) Các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin là loại dự án đặc thù chuyên ngành; dự án không có cấu phần xây dựng, sản phẩm đầu ra của dự án là phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu ngành/tỉnh vực (dữ liệu số được tạo lập) phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin hình thành từ dự án thường là một hệ thống công nghệ thông tin hoàn chỉnh phải được kiểm thử, vận hành chạy thử, sản phẩm cần được hoàn thiện hiệu chỉnh, đánh giá tổng thể đáp ứng các yêu cầu bài toán thiết kế, phươg án, giải pháp kỹ thuật công nghệ lựa chọn của dự án, đảm bảo kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu mới được nghiệm thu, chính thức bàn giao đưa vào sử dụng. Việc thực hiện các nhiệm vụ kiểm toán độc lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán, giám sát công tác triển khai chi được thực hiện khi các nhiệm vụ chính của dự án phải hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, do đó vào thời điểm cuối năm 2023 các nhiệm vụ này chưa kịp thời gian để thực hiện</p>	<p>năm kế hoạch</p>	
6	Đài PT TH	14/CV-PTTH, 01/3/2024	<p>Đề nghị bổ sung cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 sang năm 2024 là 188,5 triệu đồng do chưa có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật vì đây là dự án mua sắm trang thiết bị kỹ thuật cao, cần phải qua nhiều khâu thẩm định của các cơ quan liên quan, mất nhiều thời gian nên không đủ thời gian hoàn thành khối lượng đề giải ngân (Số vốn được tính theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 3/10/2023 của UBND</p>	<p>Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý</p>	

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
7	Liên minh HTX	69/CV-LMHTX, 01/3/2024	Tình Cao Bằng về Phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: "Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng. Số còn lại 311,5 triệu đồng không sử dụng, do hết nhiệm vụ chi).	Nhất trí như dự thảo	
8	Công an tỉnh	698A/CAT-PH10, 29/02/2024		Nhất trí như dự thảo	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	603/STNMT-KHTH, 01/3/2024		Nhất trí như dự thảo	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	451/SNN-KHTC, 29/02/2024		Nhất trí như dự thảo	
11	Sở Giao thông vận tải	455/SGTVT-KHKT&QL GT, 29/02/2024		Nhất trí như dự thảo	
12	BQL Đầu tư và XD tỉnh	167/BQLDA-KHDT, 29/02/2024		Nhất trí như dự thảo	
13	BQL ĐTXD các công trình giao thông	189/BQLDA-KHKT, 01/3/2024		Nhất trí như dự thảo	
14	UBND	209/UBND-		Nhất trí như dự thảo	

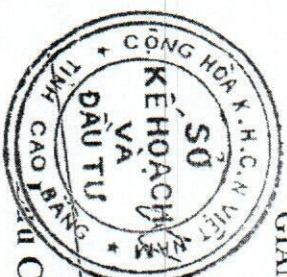
TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Số văn bản góp	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
	huyện Hạ Lang	TCKH, 01/3/2024			
15	UBND huyện Hòa An	269/UBND-TCKH, 01/3/2024	Nhất trí như dự thảo		
16	UBND Quảng Hòa	295/UBND-TCKH, 29/02/2024	Nhất trí như dự thảo		
17	UBND huyện Thạch An	379/UBND-TCKH, 01/3/2024	Đề nghị đưa ra khỏi danh mục đề xuất kéo dài kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đối với dự án Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2035 với số vốn 5,403411 triệu đồng. - Lý do: Do dự án không còn nội dung, khối lượng để thực hiện.	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý	

Trên đây là tổng hợp các ý kiến và giải trình đối với dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục dự án và số kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn ngân sách địa phương. /

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: KTN, KGKTPĐN;
- Lưu VT, THQH.

GIÁM ĐỐC



Luân Công Hữu